

THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN

*Trung tâm đào tạo & Hợp tác quốc tế
Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam*

LỜI TỰA

Tài liệu đào tạo “Theo dõi và Đánh giá Hiệu quả Dự án” được soạn thảo dựa trên cơ sở một số công cụ, phương pháp luận và cách tiếp cận về theo dõi & đánh giá hiệu quả DA của Ngân hàng Thế giới, các hoạt động theo dõi đánh giá hiệu ích thực tế DA ADB đã được Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam thực hiện trong những năm qua. Ngoài ra, tài liệu tham khảo gồm các nguồn quan trọng sau đây:

1. Tài liệu Project Cycle Management –PCM: Monitoring and Evaluation based on the PCM Method – FASID, JAPAN,
2. Tài liệu “Tăng cường Năng lực Theo dõi và Đánh giá dự án Việt Nam – Ôxtrâyliá” giai đoạn 1 và 2;
3. Báo cáo theo dõi và đánh giá dự án ADB của các chuyên gia Viện khoa học Thủy lợi.

A. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1 Tên khóa đào tạo: Đào tạo về Theo dõi và Đánh giá Hiệu Quả Dự án

1.2 Mục đích của khóa đào tạo

Gám sát và đánh giá hiệu quả của dự án là một trong các bước rất quan trọng của một chu trình dự án đầu tư¹. Đào tạo về theo dõi và đánh giá hiệu quả dự án nhằm giúp học viên:

- Xem xét ảnh hưởng và tác động của dự án tới cộng đồng người hưởng lợi dự án;
- So sánh các kết quả đầu ra của dự án so với mục tiêu ban đầu đặt ra;
- Cung cấp cho các cơ quan quản lý, nhà đầu tư về kết quả đạt được của DA, những bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện dự án nhằm nâng cao công tác quản lý.

¹ Chu trình của một dự án đầu tư thông thường thường chia thành 5 giai đoạn gồm (1) xác định dự án, (2) chuẩn bị dự án, (3) thẩm định và phê duyệt dự án, (4) thực hiện và theo dõi theo dõi dự án, (5) đánh giá dự án

Sau khóa đào tạo học viên có thể vận dụng kiến thức đã học để theo dõi và đánh giá các dự án đang thực hiện ở địa phương mình một cách hiệu quả.

1.3 Đối tượng đào tạo :

- Cán bộ DADR, cán bộ tham gia thực hiện các TDA của DA VWRAP,
- Cán bộ các Công ty KTCTTL, cán bộ Phòng Nông lâm Thủy của huyện,
- Đại diện các tổ chức dùng nước (người hưởng lợi từ DA)

B. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

Nội dung khóa đào tạo bao gồm cả phần lý thuyết và bài tập thực hành; phần lý thuyết trình bày các khái niệm cơ bản, phương pháp xây dựng các bộ chỉ số cũng như các kỹ năng khác về theo dõi và đánh giá hiệu ích. Nội dung khóa học bao gồm các phần được trình bày sau đây

2. KHÁI NIỆM VỀ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN

2.1 Sơ lược về nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), sự cần thiết phải theo dõi đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA trong các dự án

Hoạt động thu hút ODA trong những năm qua trong Ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã tạo nên một nguồn lực quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần tăng cường nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến và tạo điều kiện thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng phát triển bền vững, đóng góp có hiệu quả vào thành tựu phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

Nhiều dự án mang lại hiệu quả lớn thông qua việc xây dựng mới, khôi phục và nâng cấp các công trình, cũng như tăng cường công tác quản lý và thể chế như dự án WB, ADB ở khắp 3 miền Việt Nam. Nhờ vận động thu hút nguồn ODA nên các công trình đầu mối các hệ thủy lợi được khôi phục, chỉnh trang tạo điều kiện cho việc dành vốn đầu tư trong nước để hoàn chỉnh các hệ thống kênh cấp II phát huy đồng bộ hiệu quả của công trình.

Thông qua các DA nhiều cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật được tiếp cận với khoa học tiên tiến thông qua các lớp đào tạo trong và ngoài nước bằng vốn ODA; các trang thiết bị quản lý, nghiên cứu của các đơn vị trong ngành đã được trang bị góp phần đáp ứng được yêu cầu hiện đại hoá ngành thủy lợi hiện nay.

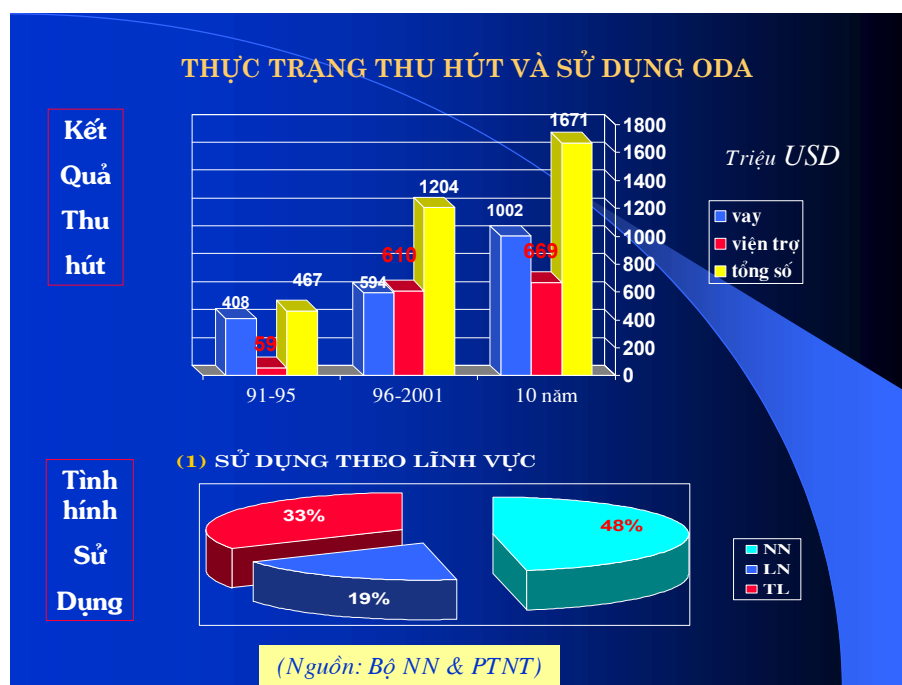
Nguồn ODA đã được thu hút và sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý đã mang lại những thành tựu quan trọng :

- Tăng cường vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nhu cầu vốn đầu tư từ ngân sách cho nông nghiệp, nông thôn hàng năm rất lớn nhưng

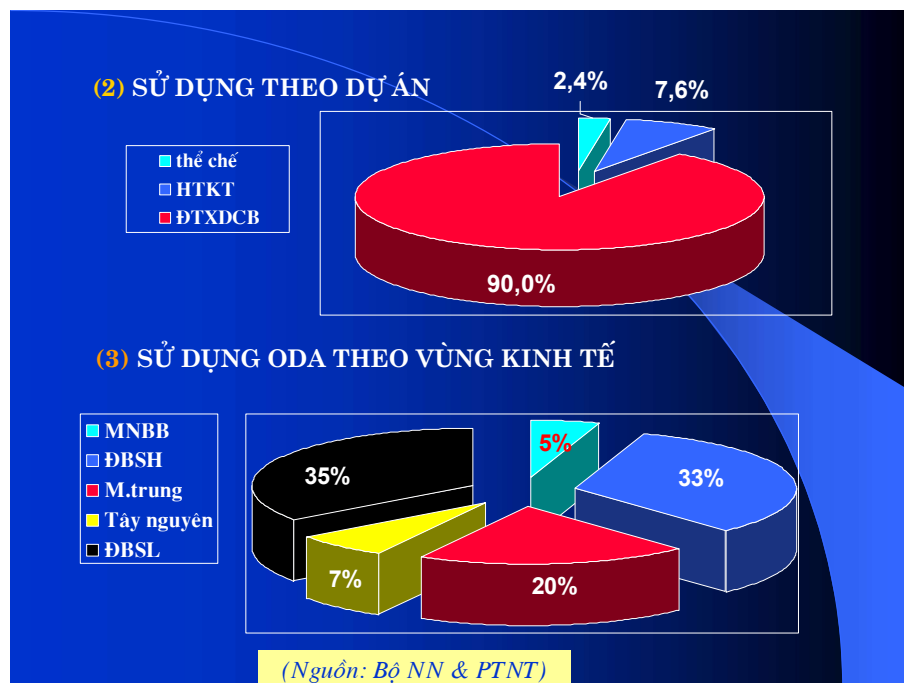
nguồn thu ngân sách trong nước hạn hẹp, nguồn ODA đã tăng cường và thu hút trong thời gian qua đảm bảo 50-60% nhu cầu của ngành;

- Các dự án ODA đã hỗ trợ mạnh mẽ các chương trình trọng điểm của ngành về lương thực, cà phê, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy lợi, xoá đói giảm nghèo, chương trình giống và chương trình phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Nâng cao vị thế của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên quốc tế, mở ra nhiều quan hệ hợp tác.
- Nâng cao năng lực quản lý điều hành của cơ quan chủ quản, hoàn chỉnh được thể chế quản lý trong ngành, tạo được đội ngũ cán bộ hiểu biết sâu về chuyên môn, biết quản lý các chương trình dự án lớn và có trình độ để hội nhập với khu vực và quốc tế.

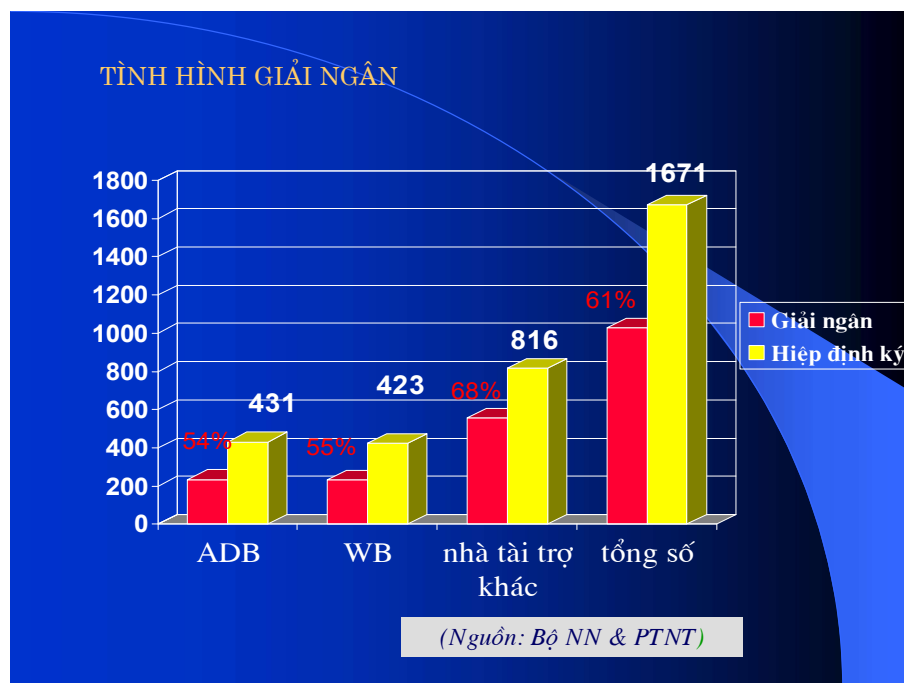
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Với một số lượng vốn vay ODA lên đến hàng ngàn tỷ đồng mỗi năm, nhất thiết phải có một công cụ để quản lý tốt. Mặt khác, nguồn vốn vay sử dụng có hiệu quả/không hiệu quả sẽ tác động tích cực/hoặc tiêu cực đến đời sống xã hội, đến môi trường và các hoạt động liên quan khác. Theo dõi đánh giá hiệu ích DA là một trong các công cụ giúp phân tích những yếu tố ảnh hưởng, tác động của quá trình DA và cũng là một trong các công cụ giúp quản lý hiệu quả DA.

2.2. Theo dõi và đánh giá dự án là gì?

Trong bối cảnh một dự án phát triển, khái niệm “Theo dõi” có nghĩa là kiểm tra tiến độ của một dự án đang tiến hành, trong khi khái niệm “Đánh giá” là đánh giá kết quả dự án khi dự án đó đã kết thúc.

Thuật ngữ “Đánh giá” đôi khi cũng sử dụng trong suốt giai đoạn lập kế hoạch dự án. Những ví dụ bao gồm “Đánh giá dự án” được các doanh nghiệp tư nhân sử dụng khi lựa chọn dự án đầu tư tốt nhất từ nhiều lựa chọn theo mục tiêu chung của doanh nghiệp đó.

Trong phương pháp “Quản lý chu kỳ dự án”, thuật ngữ “Theo dõi” và “Đánh giá” được định nghĩa như sau:

2.2.1 Thuật ngữ “Theo dõi”:

“Một quy trình liên tục được thiết kế để kiểm tra, kiểm soát tiến độ của một dự án so với kế hoạch đã định ra và chỉnh sửa dự án nếu cần.”

“Theo dõi” theo dõi những kết quả đạt được của dự án, tập trung vào “những hoạt động”, “kết quả” và “mục đích của dự án”, điều chỉnh hay thay đổi “những hoạt động” hay một số khía cạnh khác nếu cần, sau khi cân nhắc “yếu tố đầu vào” và “những điều kiện bên ngoài”

2.2.2 Thuật ngữ “Đánh giá”:

“Một quy trình được thiết kế để xác định những kết quả của một dự án đang tiến hành hay đã hoàn tất quy thành 5 tiêu chuẩn (*) và đưa ra những kiến nghị về những giai đoạn tiếp của dự án trong tương lai, cũng như rút ra những bài học kinh nghiệm cho những dự án khác”.

5 tiêu chuẩn () bao gồm:*

- i. Thành quả dự án (tập trung vào sự thay đổi giữa những “yếu tố đầu vào” và “yếu tố đầu ra”
- ii. Hiệu quả dự án.
- iii. Ảnh hưởng của dự án.
- iv. Tính bền vững của dự án.
- v. Sự xác đáng của dự án (tập trung vào vấn đề mục đích của dự án và mục tiêu tổng thể có giống như mục tiêu tại thời điểm đánh giá hay không?)

Trong phương pháp “Quản lý chu kỳ dự án” dựa trên “Đánh giá”, thông tin, dữ liệu được thu thập và phân tích theo 5 tiêu chuẩn đánh giá trên, mỗi chỉ tiêu sẽ rút ra được một kết luận.

Một đánh giá tổng hợp của một dự án dựa trên 5 chỉ tiêu, thay vì chỉ đánh giá đơn lẻ mức độ của những kết quả đạt được trong những mục của tiêu dự án.

Trong chu kỳ dự án, việc theo dõi diễn ra xuyên suốt quá trình thực hiện dự án trong khi đánh giá lại tiến hành vào lúc hoàn tất dự án hoặc nhiều năm sau theo dõi.

Trong một vài trường hợp, mục đích của việc theo dõi và đánh giá nhằm cải thiện sự vận hành và quản lý một dự án, rút ra những bài học có ích cho những dự án khác hơn là tìm kiếm những lỗi sai hay chỉ trích dự án.

Do đó, điều quan trọng là bảo đảm kết quả của việc theo dõi và đánh giá đưa những phản hồi đúng lúc tới quá trình thực hiện dự án.

Ngoài ra theo dõi và đánh giá (BME) còn được định nghĩa theo một quan điểm khác sau đây

BME là một nhóm các hoạt động nhằm xác định, đánh giá và nâng cao các tác động có lợi của hoạt động đầu tư, lồng ghép những bài học kinh nghiệm của dự án trước để thực hiện các dự án trong tương lai thông qua quá trình thu thập, phân tích và quản lý số liệu có liên quan đến các hoạt động dự án. BME nói chung gồm ba hoạt động chính. Những hoạt động này cung cấp cho người quản lý và quy hoạch những thông tin cần thiết để nâng cao tính hiệu quả và hiệu ích của hoạt động đầu tư phát triển. Ba hoạt động này là: (i) chuẩn bị các thông tin của năm cơ sở; (ii) Theo dõi hiệu ích; và (iii) đánh giá hiệu ích.

Thông tin năm cơ sở đề cập đến các điều kiện trước khi có đầu tư. Chúng được xác định thông qua các chỉ tiêu, thông thường (nhưng không phải bao giờ cũng vậy) chúng được thể hiện dưới hình thức các con số hoặc phần trăm để đo tiến độ hoặc sự thay đổi của dự án. Theo dõi hiệu ích có nghĩa là cung cấp các thông tin nhằm hỗ trợ điều chỉnh những thiếu sót và khuyến khích những người có liên quan trong giai đoạn thực hiện dự án. Đánh giá hiệu ích cung cấp các thông tin cần thiết cho việc nâng cao thiết kế và thực hiện dự án trong tương lai. Việc đánh giá tiếp dự án sẽ được thực hiện khi kết thúc dự án nhằm đánh giá các tác động ngắn hạn của dự án và việc đánh giá sau khi có dự án được thực hiện một vài năm sau khi hoàn thành giai đoạn thực hiện dự án để đánh giá các tác động trung và dài hạn.

2.3 Mục đích của việc theo dõi và đánh giá

Mục đích của việc theo dõi và đánh giá có thể chỉ ra được ở 3 điểm sau:

a. Cải thiện chất lượng của dự án hiện tại:

Cải thiện chất lượng của một dự án đang được tiến hành thông qua việc vận hành và quản lý một cách thích hợp.

b. Cải thiện chất lượng từ kinh nghiệm thu được của dự án khác:

Dùng những kinh nghiệm thu được hay những bài học rút ra từ một dự án rồi áp dụng vào việc cải thiện chất lượng cho dự án mới hoặc những dự án đang thực hiện.

c. Cải thiện tính minh bạch:

Minh bạch việc sử dụng nguồn tài chính với bên hỗ trợ nguồn vốn và bên cấp vốn.

Những nguồn tài chính công – Người đóng thuế.

Những nguồn tài chính tư – Thành viên của các tổ chức tài trợ và đóng góp.

Theo dõi và đánh giá là 2 công cụ quản lý và điều hành hiệu quả nhất. Theo dõi chặt chẽ một dự án, tạo ra khả năng để theo dõi sát tiến độ của dự án và xác định được những vấn đề tiềm ẩn, từ đó cho phép việc hiệu chỉnh lại dự án được tiến hành ngay lập tức nếu cần. Mặt khác, việc đánh giá cung cấp lượng thông tin có thể thiết lập cơ sở để quyết định loại bỏ hay tiếp tục dự án.

Kinh nghiệm thu được trong một dự án có thể có ích chỉ khi: dự án được nghiên cứu từ nhiều quan điểm, kinh nghiệm thu được, được cung cấp rộng rãi như những bài học ứng dụng dựa trên thực tế và thông tin được chia sẻ và phân tích dưới dạng dạng để xem xét.

Trong trường hợp của một dự án có vốn ODA, người đóng thuế của quốc gia tài trợ và những người làm chính sách có quyền biết được dự án có hiệu quả hay không. Trong trường hợp dự án có vốn từ các Tổ chức Phi chính phủ (NGO), những người thực hiện có quyền yêu cầu những người được hỗ trợ và những người đóng góp cung cấp thông tin về tiến độ và kết quả của dự án. Việc yêu cầu thông tin làm rõ ra những gì liên quan đang diễn ra trong dự án phát triển.

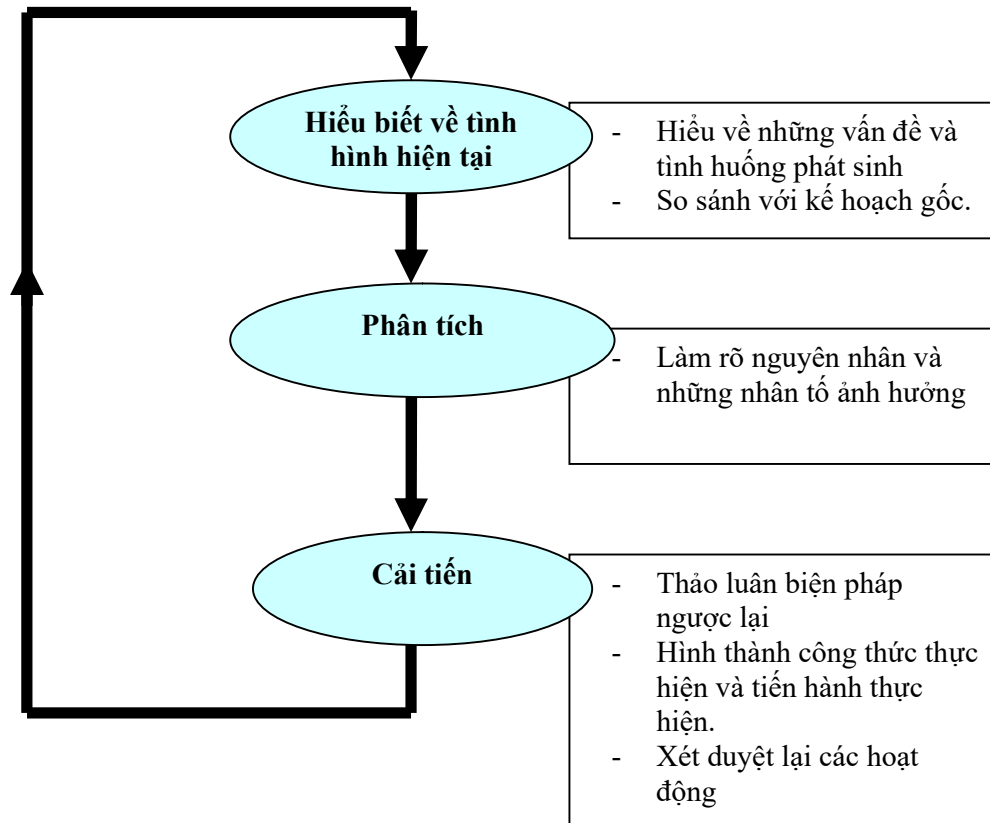
Ai là người theo dõi và đánh giá?

Việc theo dõi liên quan đến việc kiểm tra tiến độ một dự án và sửa đổi kế hoạch nếu cần, theo nguyên tắc phải được thực hiện bởi những người liên quan đến việc thực hiện dự án. Trong khi thuật ngữ “người thực hiện dự án” bao gồm rất nhiều loại người từ nhân viên văn phòng tại địa điểm thực hiện dự án tới những nhân sự có chức trách. Tốt nhất những người trực tiếp tham gia vào hoạt động dự án làm nhiệm vụ theo dõi dự án. Việc này tạo khả năng sử dụng ngay lập tức những kết quả của việc theo dõi trong việc quản lý, điều chỉnh và thay đổi kế hoạch hay hoạt động. Việc theo dõi với mục tiêu tập trung vào “những hoạt động” và “kết quả” dự án, những thành phần của một ma trận thiết kế dự án (PD), thường xuyên cần một người thông thạo mọi chi tiết về dự án. Mặt khác, việc thu thập thông tin và điều chỉnh chính xác dựa trên cơ sở của nó sẽ rất khó khăn.

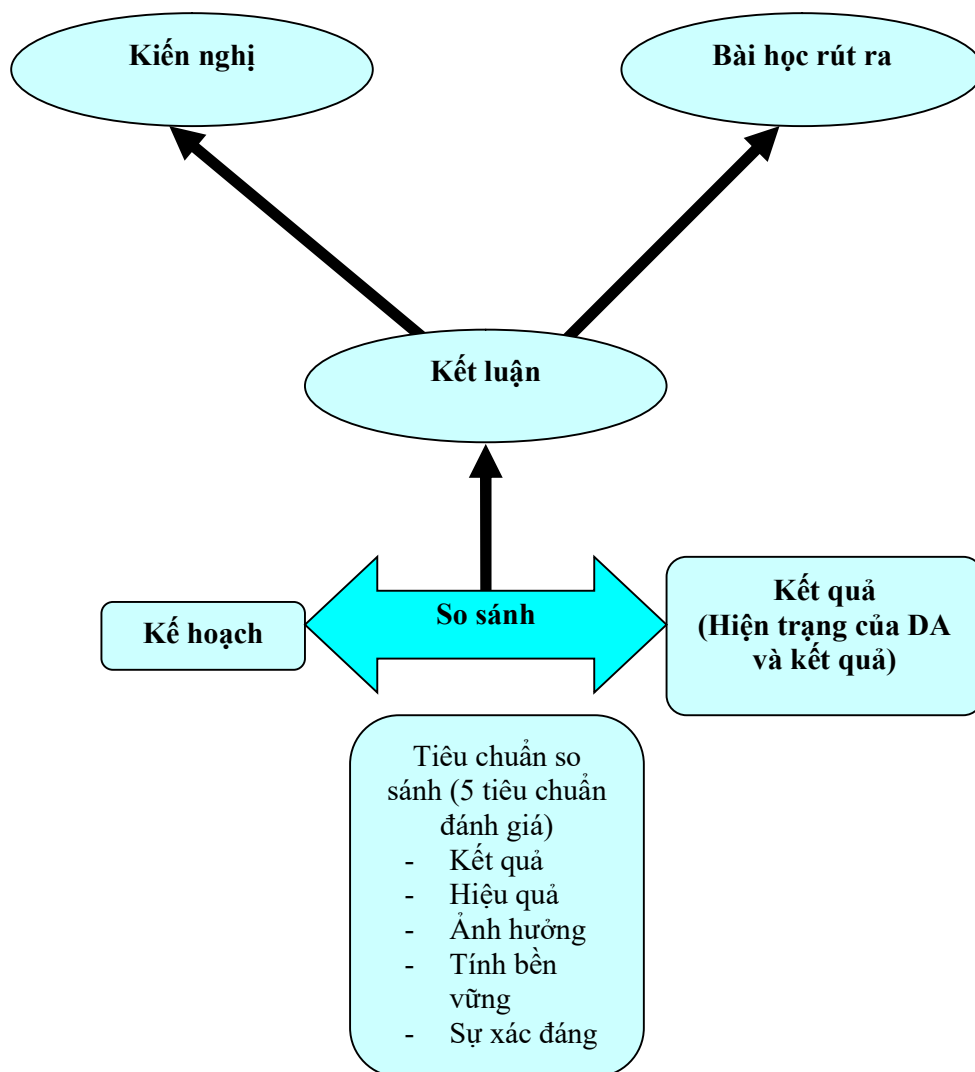
Việc đánh giá, một mặt tập trung chính vào “những ảnh hưởng mà dự án mang lại” hơn là “dự án được thực hiện như thế nào”. Cụ thể, đánh giá nhằm mục đích xác định ảnh hưởng và những kết quả đạt được, đưa ra kiến nghị về những giai đoạn trong tương lai của dự án, những bài học rút ra từ dự án và đòi hỏi mục tiêu ở viễn cảnh xa hơn. Vì lý do này, việc đánh giá thường được thực hiện bởi bên thứ 3, độc lập với cả những người lập kế hoạch và thực hiện dự án. Hơn nữa, mục đích hoàn thành của việc đánh giá đòi hỏi sự cộng tác của rất nhiều ý kiến của các nhà chuyên môn. Do đó, một đội ngũ đánh giá nên bao gồm các chuyên gia từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Đội ngũ đánh giá thường được chọn từ cả quốc gia tài trợ và nhận tài trợ.

Dựa trên mục đích của việc đánh giá, ý kiến trực tiếp của những người được hưởng lợi cần thiết để phản hồi, và như trong trường hợp này những người được hưởng lợi bản thân họ hay những người có liên quan đến quá trình đánh giá nên được xem xét cân nhắc.

Sơ đồ 1. Quá trình theo dõi cơ bản



Sơ đồ 2. Quá trình đánh giá dựa trên 5 tiêu chuẩn



Giải thích các thuật ngữ cơ bản về theo dõi và đánh giá

Thuật ngữ	Giải thích
Công cụ phân tích	Các phương pháp sử dụng để phân tích, xử lý và diễn giải thông tin trong đánh giá.
Đánh giá	Là một quá trình thu thập thông tin, phân tích và từ đó đưa ra phán xét dựa trên cơ sở những thông tin đó. (UNDP 2002)
Giả định	Giả định là những yếu tố bên ngoài như sự kiện, điều kiện hoặc các quyết định có thể ảnh hưởng đến tiến độ hoặc thành công của một dự án hoặc một chương trình. Chúng cần thiết cho việc đạt được các mục tiêu của dự án, nhưng phần lớn hoặc hoàn toàn

	nằm ngoài sự kiểm soát của quản lý dự án. Giả định được viết dưới dạng các điều kiện tốt, thuận lợi. Giả định ban đầu là những điều kiện được cho là thiết yếu đối với sự thành công của một chương trình, dự án. Giả định then chốt (hay giả định “chết người”) là những điều kiện đe dọa việc thực hiện một chương trình, dự án. (IFAD 2002)
Thông tin cơ sở	Thông tin thường bao gồm sự kiện và số liệu thu thập trước khi tiến hành hoạt động dự án. Thông tin cơ sở cung cấp điểm xuất phát, căn cứ vào đó để đo lường đầu ra và mức độ đạt được mục tiêu của dự án.
Dữ liệu cơ sở	Dữ liệu mô tả những điều kiện trước khi thực hiện dự án hoặc khi không có dự án. Dữ liệu nền là điểm xuất phát để đo lường hoạt động một dự án. (UNDP 2002).
Nghiên cứu cơ sở	Phân tích mô tả tình hình trước khi bắt đầu thực hiện các hoạt động ODA, làm căn cứ để đánh giá tiến độ hay so sánh. Nghiên cứu cơ sở là tài liệu tham khảo quan trọng cho đánh giá sau. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Tiêu chí đánh giá	Điểm hoặc tiêu chuẩn tham khảo để so sánh việc thực hiện hoặc thành quả đạt được. Tiêu chí đánh giá có thể là cái đạt được trước đây, có thể là cái do các đơn vị tương đương khác đạt được, hoặc cái lẽ ra phải đạt được trong điều kiện tương tự. (IFAD 2002)
Đối tượng thụ hưởng	Cá nhân, nhóm hoặc tổ chức, dù là đối tượng mục tiêu hay không, được hưởng lợi trực tiếp hoặc gián tiếp từ những can thiệp phát triển. <i>Thuật ngữ liên quan: phạm vi tác động, nhóm mục tiêu.</i> (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Đánh giá nhóm	Đánh giá một nhóm các hoạt động, nhóm các mục đích dự án và (hoặc) các mục tiêu chương trình có liên quan với nhau. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Hoàn thành	Giai đoạn cuối cùng trong chu trình dự án, khi lập báo cáo hoàn thành dự án. Rút ra các “bài học” và thực hiện nhiều hoạt động kết thúc dự án khác nhau, có thể bao gồm cả đánh giá cuối kì. (IFAD 2002)
Phân tích chi phí và lợi ích	So sánh giữa đầu tư và chi phí vận hành với lợi ích hoặc tác động trực tiếp tạo ra do đầu tư trong một can thiệp cụ thể; Phân tích chi phí-lợi ích sử dụng nhiều phương pháp và phương tiện diễn đạt kết quả khác nhau. (IFAD 2002)
Hiệu quả và chi phí	Một dạng phân tích trong đó so sánh chi phí của những phương án khác nhau có cùng đầu ra hay đầu ra tương tự nhau, thường sử dụng khi đầu ra khó gán cho giá trị bằng tiền (ví dụ như trong chính sách y tế, chi phí cho một năm tuổi thọ giữ thêm được).
Đối chứng	Tình hình hoặc trạng thái đo lường được hoặc hình dung được khi không có đầu tư ODA đang được đánh giá. Đôi khi được gọi là “kiểm soát” hoặc “khi không có dự án”.

Vốn đối ứng	Giá trị các nguồn lực (tiền mặt hoặc hiện vật) huy động từ trong nước để hỗ trợ việc chuẩn bị và thực hiện một đầu tư ODA. Tùy theo bản chất của từng đầu tư, vốn đối ứng có thể bao gồm toàn bộ hoặc một phần các cấu phần dưới đây: • Vốn chuẩn bị chương trình, dự án ODA; • Vốn khởi động thực hiện chương trình, dự án ODA. (Nghị định 17/2001/NĐ-CP)
Dữ liệu	Sự kiện định tính và định lượng cụ thể được đo lường hoặc thu thập. (UNDP 2002)
Công cụ thu thập dữ liệu	Mẫu và kỹ thuật sử dụng để xác định nguồn dữ liệu và thu thập dữ liệu cho công tác theo dõi hay đánh giá. Ví dụ: điều tra chính thức và không chính thức, quan sát trực tiếp và có tham gia, phỏng vấn cộng đồng, nhóm trọng tâm, ý kiến chuyên gia, nghiên cứu tình huống, nghiên cứu tài liệu. (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Công khai hóa	Tuyên bố về các loại tài liệu và (hoặc) báo cáo tự động được công bố rộng rãi cho mọi người, không hạn chế.
Ảnh hưởng	Thay đổi có chủ ý hoặc không chủ ý do một can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp. <i>Thuật ngữ liên quan: kết quả</i> . (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Hiệu quả	Mức độ đạt được hoặc dự kiến đạt được các mục tiêu của một đầu tư ODA, có xét đến tầm quan trọng tương đối của chúng. Là phép đo mức độ một dự án đạt được các mục tiêu ở cấp mục đích hay mục tiêu tổng thể; tức là mức độ mà một can thiệp phát triển đã đạt được hoặc dự kiến sẽ đạt được những mục tiêu liên quan của mình một cách hiệu quả và bền vững. (IFAD 2002)
Hiệu suất	Phép đo về phương diện kinh tế trong việc biến các nguồn lực, đầu vào (ngân sách, chuyên gia, thời gian, v.v..) thành các kết quả. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004) Sự phân biệt giữa hiệu suất đầu vào và hiệu suất đầu ra trong đánh giá là hợp lý; hiệu suất đầu ra là chỉ các hoạt động được chuyển thành kết quả như thế nào.
Khả năng đánh giá	Mức độ theo đó một can thiệp ODA hoặc các hợp phần của nó có thể được đánh giá một cách khách quan và tin cậy. (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004), (IFAD 2002)
Đánh giá	Là việc xem xét có hệ thống nhưng định kỳ và khách quan một dự án, một chương trình hay một chính sách, đang diễn ra hoặc đã kết thúc, việc thiết kế, thực hiện và các kết quả của chúng. Mục đích là để xác định tính phù hợp và mức độ đạt được mục tiêu, hiệu suất phát triển, hiệu quả, tác động và tính bền vững. Một đánh giá cần cung cấp thông tin chính xác và có ích, cho phép sử dụng những bài học kinh nghiệm vào quá trình ra quyết định của cả bên nhận tài trợ lẫn bên tài trợ. Đánh giá là nhận định

	có phân tích nêu lên kết quả của chính sách công, tổ chức hoặc chương trình trong đó nhấn mạnh độ tin cậy và tính hữu ích của những phát hiện. <i>Thuật ngữ liên quan: xem xét.</i> (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Tiêu chí đánh giá	Còn gọi là tiêu chí thành công gồm có tính phù hợp, hiệu quả, hiệu suất, tác động và tính bền vững. (Bản thảo Cẩm nang TD&ĐG dùng cho Việt Nam, 2004)
Phạm vi đánh giá	Trọng tâm hoặc điều khoản tham chiếu của đánh giá dưới dạng câu hỏi nêu rõ giới hạn, cái gì phân tích và cái gì không phân tích. (UNDP 2002)
Nhóm đánh giá	Nhóm cán bộ TD&ĐG có trách nhiệm lập kế hoạch chi tiết và thực hiện một đánh giá. Nhóm đánh giá làm việc với các đối tác của Chính phủ Việt Nam để viết báo cáo đánh giá. (UNDP 2002)
Cán bộ đánh giá	Cán bộ TD&ĐG tham gia vào tất cả các giai đoạn của quá trình đánh giá, từ việc xác định điều khoản tham chiếu, thu thập, phân tích dữ liệu cho đến việc đưa ra khuyến nghị và thực hiện các biện pháp điều chỉnh hoặc cải tiến. (UNDP 2002)
(Phương pháp) dựa vào bằng chứng	Sự kết hợp giữa kinh nghiệm, đánh giá và chuyên môn với những bằng chứng bên ngoài tốt nhất sẵn có từ các nghiên cứu mang tính hệ thống; liên quan đến việc cân bằng giữa một bên là những đánh giá và ý kiến chuyên môn với một bên là sử dụng những bằng chứng nghiên cứu có cơ sở, đáng tin cậy và có liên quan.
Đánh giá trước	Đánh giá tiến hành trước khi thực hiện một can thiệp phát triển. <i>Thuật ngữ liên quan: thẩm định, chất lượng ban đầu.</i> (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Đánh giá sau	Đánh giá một can thiệp phát triển sau khi hoàn thành. <i>Ghi chú: Đánh giá sau</i> có thể thực hiện trực tiếp ngay sau khi kết thúc (đánh giá cuối kì) hoặc một thời gian sau khi hoàn thành (đánh giá tác động). Mục đích là xác định các nhân tố thành công hay thất bại để đánh giá tính bền vững của kết quả và tác động, và để rút ra kết luận thông báo cho các can thiệp khác. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Đánh giá từ bên ngoài	Đánh giá một đầu tư ODA do các đơn vị và (hoặc) các cá nhân độc lập với nhà tài trợ và cơ quan thực hiện. (OED-WB 2001), (OECD 2002), (SIDA 2004). Xem Đánh giá độc lập
Thông tin phản hồi	Việc trao đổi bài học kinh nghiệm và kết luận hay kết quả thu được từ đánh giá với các bên có liên quan và có ích nhờ đó thúc đẩy học hỏi; Phản hồi có thể liên quan đến thu thập và phổ biến các kết quả, kết luận, kiến nghị và bài học kinh nghiệm. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Phát hiện	Thông báo có căn cứ về một đầu tư ODA dựa trên những bằng chứng thực tế thu thập thông qua hoạt động TD&ĐG.

Đánh giá để rút kinh nghiệm	Đánh giá nhằm hoàn thiện công tác thực hiện, thường tiến hành trong khi thực hiện dự án hoặc chương trình. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Tác động	Ảnh hưởng của chương trình đối với môi trường rộng hơn, và đóng góp của chương trình đối với các mục tiêu lớn hơn hoặc mục tiêu tổng thể. Bao gồm các ảnh hưởng dài hạn tích cực và tiêu cực, nguyên phát và thứ phát do một can thiệp phát triển gây ra trực tiếp hoặc gián tiếp, có chủ định hoặc không chủ định. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Đánh giá tác động	Đánh giá ảnh hưởng của đầu tư ODA, ảnh hưởng này có thể là có chủ định hoặc không chủ định, nhằm phân biệt thay đổi do can thiệp của chương trình, dự án với thay đổi do nhân tố bên ngoài khác gây ra. Nói một cách khác ước lượng tác động cố gắng đánh giá những kết quả của dự án, chương trình đã xảy ra, và những gì có thể đã xảy ra nếu không có dự án, chương trình đó. (PARC, UK)
Đánh giá tác động	Đánh giá có chủ đích hoặc không có chủ đích tập trung vào tác động hoặc các kết quả rộng hơn và dài hạn của một chương trình hoặc kết quả. Ví dụ, một đánh giá tác động có thể chỉ ra tỷ lệ chết của trẻ sơ sinh của một cộng đồng giảm đi là kết quả trực tiếp của một chương trình thiết kế nhằm cung cấp dịch vụ chất lượng cao trước và sau khi sinh và việc hộ sinh được hỗ trợ bởi các chuyên gia y tế đã được đào tạo. <i>Xem: “đánh giá tác động quốc gia”.</i> (UNDP 2002)
Thực hiện	Quá trình triển khai thực hiện các hoạt động dự án theo một kế hoạch làm việc và ngân sách đã thống nhất. Ngân sách được theo dõi trong suốt giai đoạn thực hiện nhằm đo lường tiến độ thực hiện kế hoạch làm việc, sử dụng ngân sách và chuyển giao các kết quả dự án. Nếu cần thiết, thiết kế dự án có thể được sửa đổi trong giai đoạn thực hiện để giải quyết các vấn đề nảy sinh.
Đánh giá độc lập	Đánh giá một đầu tư ODA được thực hiện bởi các thực thể và (hoặc) các cá nhân độc lập với nhà tài trợ và các tổ chức thực hiện. (OED-WB 2001), (OECD 2002), (SIDA 2004). Xem Đánh giá bên ngoài
Chỉ số	Nhân tố hoặc biến định lượng hoặc định tính đóng vai trò là phương tiện đơn giản và đáng tin cậy để đo lường thành quả, phản ánh những thay đổi liên quan đến một can thiệp phát triển, hoặc giúp đánh giá việc thực hiện của một tác nhân phát triển. (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Ảnh hưởng gián tiếp	Những thay đổi ngoài kế hoạch mang lại với tư cách là kết quả của một đầu tư ODA. (IFAD 2002)
Hệ thống quản lý thông tin	Hệ thống nhập dữ liệu, tổng hợp và tổ chức dữ liệu để cung cấp các dữ liệu chọn lọc và báo cáo cho cấp quản lý, hỗ trợ theo dõi

	và kiểm soát việc tổ chức dự án, các nguồn lực, hoạt động và kết quả. Xem: Hệ thống thông tin quản lý . (IFAD 2002)
Đầu vào	Nguồn lực tài chính, nhân lực và nguyên vật liệu cần thiết để tạo ra những đầu ra dự kiến thông qua việc thực hiện các hoạt động theo kế hoạch. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004) (IFAD 2002)
Đánh giá nội bộ	Đánh giá một can thiệp phát triển được thực hiện bởi một đơn vị và (hoặc) các cá nhân báo cáo cho cấp quản lý của nhà tài trợ, đối tác, hoặc tổ chức thực hiện. <i>Thuật ngữ liên quan: Tự đánh giá</i> . (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Intervention logic Lôgic can thiệp	Diễn giải tóm tắt lý do căn bản cho một đầu tư ODA trong khung lôgic. Đây là cột đầu tiên trong khung lôgic, gọi là lôgic can thiệp, đề ra những cấp mục tiêu khác nhau cho mục tiêu của dự án. Xem Khung lôgic
Đánh giá chuyển tiếp	Đánh giá dự án được tiến hành đến cuối giai đoạn thực hiện của dự án (khoảng một năm trước ngày đóng tài khoản vốn vay) khi cơ quan tài trợ cân nhắc yêu cầu tài trợ cho giai đoạn hai hoặc cho một dự án mới trong cùng lĩnh vực. Đánh giá chuyển tiếp là cơ hội quan trọng cho cơ quan tài trợ, Chính phủ, đối tác thực hiện và những cơ quan tham gia chính học tập kinh nghiệm trước khi tiến hành thiết kế dự án tiếp theo. (IFAD 2002)
Dự án đầu tư	Dự án nhằm tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng, duy trì, hoặc nâng cao chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ trong khoảng thời gian xác định. (Nghị định 17/2001/NĐ-CP)
Đánh giá hỗn hợp	Đánh giá trong đó các cơ quan tài trợ khác nhau và (hoặc) các đối tác của Chính phủ Việt Nam tham gia. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Bài học kinh nghiệm	Kiến thức được tạo ra bởi việc phản ánh qua kinh nghiệm. Những bài học tổng quát hoá dựa trên những kinh nghiệm đánh giá đầu tư ODA được trừu tượng hoá từ những điều kiện hoàn cảnh cụ thể để áp dụng cho những tình huống tổng quát. Thông thường, bài học nhấn mạnh những điểm mạnh hoặc yếu điểm trong việc chuẩn bị, thiết kế và thực hiện ảnh hưởng đến hoạt động, kết quả và tác động. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Cơ quan chủ quản	Cơ quan cấp bộ, ngành, UBND cấp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương có chương trình, dự án ODA. (Nghị định 17/2001/NĐ-Chính phủ)
Khung lôgic	Công cụ quản lý dạng ma trận được sử dụng để phân loại trật tự lôgic của một chuỗi theo thứ tự các sự kiện và là công cụ để phân tích chu trình dự án. Khung lôgic liên quan đến xác định các yếu tố chiến lược (đầu vào, đầu ra, kết quả, mục đích, mục

	tiêu) và những mối quan hệ nhân quả của chúng, các chỉ số, và các giả định hoặc những rủi ro có thể ảnh hưởng đến sự thành công và thất bại; do đó sẽ tạo điều kiện cho việc lập kế hoạch, thực thi và đánh giá một đầu tư ODA. <i>Thuật ngữ liên quan:</i> Quản lý dựa trên kết quả. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Phương pháp tiếp cận khung logic	Công cụ phân tích, trình bày và quản lý liên quan đến việc phân tích vấn đề, phân tích các cơ quan tham gia, phát triển tháp mục tiêu và lựa chọn chiến lược thực hiện phù hợp. Phương pháp này giúp xác định các yếu tố chiến lược (đầu vào, đầu ra, mục đích, mục tiêu) và những mối quan hệ nhân quả của chúng, cũng như những giả định về môi trường bên ngoài (các rủi ro) có khả năng ảnh hưởng đến thành công hay thất bại; do đó sẽ tạo điều kiện cho việc lập kế hoạch, thực thi và đánh giá một dự án. (IFAD 2002)
Ma trận khung logic	Còn gọi là khung logic. Đó là một bảng, thường gồm 4 dòng và 4 cột, trong đó tổng kết những gì dự án định làm và bằng cách nào (đầu vào cần thiết, đầu ra, mục đích, mục tiêu), những giả định chính là gì, và đầu ra và kết quả sẽ được TD&ĐG như thế nào. (IFAD 2002)
Hệ thống thông tin quản lý	Công cụ cho phép nhập, đối chiếu và tổ chức các dữ liệu TD&ĐG một cách hệ thống để có thể cung cấp các dữ liệu chọn lọc và báo cáo cho cấp quản lý, hỗ trợ theo dõi và theo dõi công tác tổ chức, các nguồn lực, hoạt động và kết quả của dự án. <i>Xem:</i> Hệ thống quản lý thông tin. (IFAD 2002)
Phương tiện và nguồn kiểm chứng	Nguồn dữ liệu và công cụ, kỹ năng thu thập dữ liệu sẽ được sử dụng để đo lường các chỉ số kiểm chứng khách quan được lựa chọn cho việc TD&ĐG đầu tư ODA.
Đánh giá tổng hợp	Đánh giá tổng hợp các phát hiện trong quy mô lớn hơn từ một loạt các đánh giá khác, thường ở quy mô nhỏ hơn. Đánh giá tổng hợp cũng có thể được sử dụng để biểu thị đánh giá của một đánh giá để phán xét chất lượng của đánh giá đó và (hoặc) đánh giá việc thực hiện của những người đánh giá. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Đánh giá giữa kỳ	Đánh giá được tiến hành trong khi thực hiện dự án hoặc chương trình. Mục tiêu chính là đánh giá tiến độ đã thực hiện, đưa ra các kết luận ban đầu cho việc quản lý chương trình hoặc dự án và đưa ra các khuyến nghị cho giai đoạn còn lại. Đánh giá này tập trung vào những vấn đề tác nghiệp liên quan và việc thực hiện, và rút ra các bài học ban đầu. Đôi khi được xem là đánh giá “liên lục”. (UNDP 2002)
Mốc	Tiêu chí định trước mục tiêu nào sẽ đạt được tại thời điểm nào.
Theo dõi /theo dõi	Việc thường xuyên thu thập và phân tích thông tin để hỗ trợ ra quyết định kịp thời, đảm bảo trách nhiệm giải trình và cung cấp cơ sở cho

	đánh giá và học hỏi. Đây là một hoạt động liên tục, sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu để phục vụ cho công tác quản lý và những cơ quan tham gia chính của một đầu tư ODA đang diễn ra để có những dấu hiệu mới nhất về tiến độ và những kết quả thu được. (IFAD 2002)
Theo dõi đánh giá TD&ĐG	Sự kết hợp giữa theo dõi và đánh giá qua đó cung cấp những kiến thức cần thiết cho: a) quản lý dự án có hiệu quả; và b) công tác báo cáo và trách nhiệm giải trình. (IFAD 2002)
M&E framework Khung TD&ĐG	Tóm tắt hệ thống TD&ĐG được lập trong giai đoạn thiết kế của dự án và nằm trong báo cáo thẩm định hay kế hoạch thực hiện dự án. (IFAD 2002) Xem Ma trận TD&ĐG
Ma trận TD&ĐG	Bảng mô tả các câu hỏi thực hiện, những yêu cầu thu thập thông tin (bao gồm cả các tiêu chí), phản ánh và xem xét các sự kiện với những cơ quan tham gia, và các nguồn lực và các hoạt động cần thiết để thực hiện hệ thống chức năng theo dõi và theo dõi. Ma trận này liệt kê các dữ liệu sẽ được thu thập <u>như thế nào, bởi ai, khi nào và ở đâu</u> . (IFAD 2002)
Đơn vị TD&ĐG	Tên gọi chung dùng để chỉ các đơn vị ở cả cấp dự án và cấp ngành chịu trách nhiệm TD&ĐG. (IFAD 2002)
Mục tiêu	Bản liệt kê cụ thể chi tiết những kết quả mong muốn của một đầu tư ODA ở các cấp khác nhau (ngắn hạn và dài hạn). Một mục tiêu tốt thỏa mãn các tiêu chí như có tác động, có thể đo lường được, có giới hạn thời gian, cụ thể và thực tế. Các mục tiêu có thể được sắp xếp theo thứ bậc khoảng 2 đến 3 cấp. Xem: Tháp mục tiêu . (IFAD 2002)
Kết quả	Tác động ngắn hạn và trung hạn đạt được hoặc có khả năng đạt được do kết quả những đầu ra của một hoạt động. <i>Thuật ngữ liên quan: kết quả, đầu ra, tác động, ảnh hưởng</i> . (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Đầu ra	Đầu ra liên quan đến việc hoàn thành hơn là việc thực hiện hoạt động. Đầu ra là các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ là kết quả của một hoạt động phát triển, có thể bao gồm cả những thay đổi bất nguồn từ hoạt động liên quan đến việc đạt được các kết quả. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Chỉ số đầu ra	Chỉ số cho cấp đầu ra của tháp mục tiêu, thường là số lượng và chất lượng của các đầu ra và thời gian phải có chúng. (IFAD 2002)
Mục tiêu tổng thể	Mục tiêu cuối cùng của dự án, được mô tả dưới dạng lợi ích dài hạn của dự án đối với xã hội nói chung. Mục tiêu tổng thể cần phản ánh những đích rộng lớn của chính sách phát triển của Chính phủ và chiến lược hỗ trợ quốc gia của nhà tài trợ. Một dự án đơn lẻ cần đóng góp vào mục tiêu tổng thể, nhưng không thể có khả năng tự mình đạt được mục tiêu tổng thể. Nó cũng có thể

	được gọi là Mục tiêu . (Nguồn: Trích theo Ủy ban châu Âu của Thời báo Kinh tế Mêkông)
Đánh giá có sự tham gia	Phương pháp đánh giá trong đó đại diện của các cơ quan và các bên có liên quan (bao gồm cả các đơn vị thụ hưởng) làm việc cùng với nhau trong việc thiết kế, thực hiện và thuyết minh một đánh giá. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Đối tác	Cá nhân và (hoặc) tổ chức cộng tác để đạt được những mục tiêu đã thống nhất. <i>Ghi chú:</i> Khái niệm cộng tác có nghĩa là chia sẻ mục đích, trách nhiệm chung đối với kết quả, những trách nhiệm nhất định và các trách nhiệm với nhau. Đối tác có thể bao gồm các Chính phủ, xã hội công dân, tổ chức phi Chính phủ, trường đại học, tổ chức kinh doanh và các nghiệp đoàn, tổ chức song phương và khu vực tư nhân.
Quan hệ đối tác	Sự phối hợp giữa các cơ quan để đạt được các mục tiêu và mục đích chung và thống nhất dựa trên sức mạnh cá nhân và tối đa hóa hiệp lực. Quan hệ đối tác hiệu quả, nơi có sự hiểu rõ đóng góp của từng đối tác cho kết quả thống nhất, là mấu chốt cho việc đạt được kết quả. (UNDP 2002)
Mức độ thực hiện	Mức độ một can thiệp phát triển hoặc một đối tác phát triển hoạt động theo những chỉ dẫn, tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể hoặc đạt được kết quả theo những mục tiêu hoặc kế hoạch đã đặt ra. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Đánh giá thực hiện	Tất cả các hoạt động theo dõi, đánh giá và đo lường tác động để góp phần cải thiện việc thực hiện chương trình, dự án ODA theo những mục tiêu phát triển quốc tế đã thỏa thuận. (PARC, UK)
Chỉ số thực hiện	Chỉ tiêu đo lường tác động, kết quả, đầu ra và đầu vào của dự án, được theo dõi trong quá trình thực hiện dự án để đánh giá tiến độ theo các mục tiêu của dự án.
Đo lường mức độ thực hiện	Việc thu thập, diễn giải và báo cáo các dữ liệu về các chỉ số thực hiện nhằm đo lường khả năng tạo ra các đầu ra và đóng góp cho việc đạt được các mục tiêu ở cấp cao hơn (mục đích và mục tiêu) của các chương trình hay các dự án. Đo lường mức độ thực hiện có ích nhất khi được sử dụng để so sánh theo thời gian hoặc giữa các đơn vị thực hiện các công việc giống nhau. (UNDP 2002)
Theo dõi/theo dõi thực hiện	Quá trình liên tục thu thập và phân tích dữ liệu để so sánh một dự án, chương trình, hoặc chính sách được thực hiện tốt như thế nào căn cứ vào các kết quả dự kiến. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Chỉ số theo dõi/theo dõi thực hiện	Những đo lường tác động, kết quả, đầu ra và đầu vào được theo dõi trong suốt quá trình thực hiện dự án để đánh giá quá trình căn cứ theo các mục tiêu của dự án. Nhìn chung, chỉ số theo dõi thực hiện sắp xếp các thông tin theo cách làm rõ các mối quan hệ giữa

	tác động, kết quả, đầu ra và đầu vào của một dự án và giúp xác định các vấn đề có khả năng cản trở việc đạt được các mục tiêu của dự án trong quá trình thực hiện. Xem “ chỉ số thực hiện ”. (OPD-World Bank 1996)
Câu hỏi thực hiện	Câu hỏi giúp chỉ dẫn cho quá trình tìm kiếm và phân tích thông tin, giúp hiểu rõ liệu dự án có đang được thực hiện theo kế hoạch hay chưa và nếu chưa thì tại sao. (IFAD 2002)
Đánh giá quá trình	Đánh giá động lực bên trong của các tổ chức thực hiện, công cụ chính sách của họ, cơ chế cung ứng dịch vụ của họ, kinh nghiệm quản lý của họ, và những mối quan hệ giữa chúng. <i>Thuật ngữ liên quan:</i> “ đánh giá xây dựng ”. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Theo dõi/theo dõi quá trình	Hoạt động lựa chọn các quá trình một cách có chủ ý, quan sát chúng một cách có chọn lọc và có hệ thống để so sánh với các quá trình khác, và trao đổi về những gì đã được quan sát để học cách điều hành và hình thành các quá trình. (IFAD 2002)
Chương trình	Tập hợp các hoạt động hoặc các dự án có liên quan đến nhau và có thể liên quan đến nhiều ngành kinh tế, kỹ thuật, nhiều vùng lãnh thổ và nhiều chủ thể khác nhau được thực hiện thông qua phương pháp tiếp cận liên ngành, có thời hạn thực hiện tương đối dài hoặc theo nhiều giai đoạn, và nguồn lực để thực hiện có thể được huy động từ nhiều nguồn khác nhau, theo nhiều phương thức khác nhau (Nghị định 17/2001/NĐ-CP)
Đánh giá chương trình	Đánh giá một nhóm các hoạt động có mục tiêu liên quan. <i>Thuật ngữ liên quan:</i> đánh giá chương trình (chiến lược) quốc gia . (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Báo cáo kết thúc dự án	Báo cáo mô tả thực trạng khi kết thúc một can thiệp phát triển, bao gồm cả những bài học rút ra. (IFAD 2002)
Chu trình dự án	Khái niệm dưới dạng biểu đồ mô tả vòng đời của một dự án từ những ý tưởng đầu tiên cho đến khi được hoàn thành. Chu trình dự án cho thấy một cơ cấu đảm bảo các cơ quan tham gia được tư vấn, và xác định các quyết định quan trọng, yêu cầu thông tin và trách nhiệm ở mỗi giai đoạn qua đó các quyết định đúng đắn có thể được đưa ra cho từng giai đoạn trong vòng đời dự án. Chu trình dự án dẫn tới đánh giá để xây dựng bài học kinh nghiệm cho việc thiết kế chương trình và dự án trong tương lai. (EC – PCM)
Quản lý chu trình dự án	Phương pháp chuẩn bị, thực hiện và đánh giá dự án và chương trình dựa trên phương pháp tổng hợp và phương pháp khung logic. (EC – PCM)
Mô tả dự án	Tóm lược về những gì dự án dự định đạt được và bằng cách nào, mô tả phương tiện thông qua đó các kết quả mong muốn đạt được (logic chiều dọc trong Ma trận khung logic). (AusAID 2003)
Đánh giá dự án	Đánh giá một can thiệp phát triển được lập kế hoạch cá biệt, được thiết

	kế để đạt được những mục tiêu cụ thể trong một khuôn khổ thời gian và ngân sách nhất định. (IFAD 2002)
Mục tiêu dự án, chương trình	Kết quả vật chất, tài chính, thể chế, xã hội, môi trường hoặc các kết quả phát triển khác mà dự án hoặc chương trình dự định đóng góp. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Tác động của dự án	Ảnh hưởng của dự án đối với môi trường rộng hơn, và đóng góp của dự án cho những mục tiêu rộng hơn. (EC)
Mức độ thực hiện của dự án	Chất lượng chung của một dự án xét trên phương diện tác động, giá trị đối với các đơn vị thụ hưởng, tính hiệu quả, hiệu suất và bền vững của việc thực hiện. (IFAD 2002)
Chuẩn bị dự án	Việc soạn thảo một đề xuất dự án chi tiết, trong đó có thể bao gồm cả phân tích khung logic và một kế hoạch thực hiện và nguồn lực. (Nguồn: Trích theo Ủy ban Châu Âu 2001 của Thời báo kinh tế Mèkông)
Purpose Mục đích	Mục tiêu trọng tâm của dự án. Mục đích cần nhấn mạnh vấn đề cơ bản nhất và được xác định dưới dạng các lợi ích bền vững cho một hoặc nhiều nhóm mục tiêu. (EC-PCM)
Định tính	Cái gì đó không thể tóm tắt dưới dạng số, như biên bản các cuộc họp cộng đồng và các ghi chép chung từ các quan sát. Dữ liệu định tính thường mô tả kiến thức, quan điểm hoặc các hành vi của mọi người. (IFAD 2002)
Định lượng	Cái gì đó để đo lường hoặc có thể đo lường được hoặc liên quan đến số lượng và được mô tả dưới dạng các con số hoặc các số lượng
Đảm bảo chất lượng	Bao gồm bất kỳ hoạt động nào liên quan đến đánh giá và cải thiện giá trị hoặc tính hữu ích của một can thiệp phát triển, hoặc việc tuân thủ theo các tiêu chuẩn nhất định. <i>Ghi chú:</i> Các ví dụ về các hoạt động đảm bảo chất lượng bao gồm việc thẩm định, quản lý dựa trên kết quả, xem xét lại trong quá trình thực hiện, các đánh giá, vv. Đảm bảo chất lượng cũng có thể liên quan đến đánh giá chất lượng của một danh mục đầu tư và hiệu lực phát triển của nó. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Phạm vi tác động	Đơn vị thụ hưởng và các cơ quan tham gia khác của một can thiệp phát triển. <i>Thuật ngữ liên quan: đối tượng thụ hưởng.</i> (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004) Đơn vị thụ hưởng và các cơ quan tham gia của một can thiệp phát triển, hoặc là các ngành, các nhóm người hoặc các khu vực địa lý của một quốc gia hay một khu vực. (IFAD 2002)
Khuyến nghị	Đề xuất nhằm nâng cao hiệu lực, chất lượng hoặc hiệu quả của một can thiệp phát triển; nhằm thiết kế lại các mục tiêu; và (hoặc) phân bổ lại các nguồn lực. Khuyến nghị cần phải được liên hệ với

	các kết luận. (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Tính phù hợp	Tính phù hợp của các mục tiêu của dự án đối với các vấn đề thực tế, các nhu cầu và những ưu tiên cho các nhóm mục tiêu và các đối tượng thụ hưởng mà dự án cần phải chú trọng; và phù hợp với môi trường vật chất và chính sách mà dự án đang hoạt động. (EC-PCM)
Độ tin cậy	Tính chắc chắn hoặc tính đáng tin cậy của các dữ liệu và các kết luận đánh giá, với sự tham khảo chất lượng của các công cụ, quy trình và các phân tích được sử dụng để thu thập và xử lý các dữ liệu đánh giá. <i>Ghi chú:</i> thông tin đánh giá chỉ đáng tin cậy khi các quan sát được lặp đi lặp lại sử dụng các công cụ tương tự nhau trong những điều kiện tương tự cho các kết quả tương tự. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002)
Kết quả	Đầu ra, kết quả, sản phẩm hoặc tác động (có chủ đích hoặc không có chủ đích, tích cực và/hoặc tiêu cực) của một can thiệp phát triển. <i>Các thuật ngữ liên quan:</i> đầu ra, tác động, ảnh hưởng. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
(RBM) Quản lý dựa trên kết quả	Chiến lược hay phương pháp quản lý qua đó tổ chức đảm bảo các quá trình, sản phẩm và dịch vụ của mình góp phần vào việc đạt được các kết quả đã nêu rõ. Quản lý dựa trên kết quả cung cấp một khuôn khổ chặt chẽ cho lập kế hoạch chiến lược và quản lý bằng cách tăng cường học hỏi và trách nhiệm. Đó cũng là một chiến lược quản lý rộng nhằm đạt được những thay đổi quan trọng trong cách các cơ quan hoạt động, với xu hướng chính là nâng cao năng lực thực hiện và đạt các kết quả, bằng cách xác định các kết quả dự kiến thực tế, theo dõi tiến độ nhằm đạt được các kết quả mong đợi, kết hợp các bài học kinh nghiệm với các quyết định quản lý, và báo cáo việc thực hiện. (UNDP 2002)
Chuỗi kết quả	Thứ tự nhân quả cho một can thiệp phát triển để quy định thứ tự cần thiết đạt được các mục tiêu mong muốn - bắt đầu bằng các đầu vào, chuyển sang các hoạt động và các đầu ra, và đến cực điểm là các kết quả, tác động, và phản hồi. Ở một số cơ quan, phạm vi tác động là một phần của chuỗi kết quả. <i>Thuật ngữ liên quan:</i> giả định, cơ cấu kết quả. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Cơ cấu kết quả	Lôgic chương trình giải thích làm thế nào để đạt được mục tiêu phát triển, bao gồm các mối quan hệ nhân quả và các giả định cơ bản. <i>Thuật ngữ liên quan:</i> chuỗi kết quả, khung lôgic. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Xem xét	Đánh giá việc thực hiện một can thiệp, một cách định kỳ hoặc bất kỳ. <i>Ghi chú:</i> “đánh giá” thường xuyên được sử dụng để đánh giá một

	cách toàn diện hơn và/hoặc sâu hơn là “xem xét”. “Theo dõi” là việc xem xét liên tục các quá trình và tiến độ. Xem xét thường nhấn mạnh khía cạnh hoạt động tương tự như theo dõi. Đôi khi thuật ngữ “xem xét”, “theo dõi” và “theo dõi” được sử dụng như các từ đồng nghĩa. <i>Thuật ngữ liên quan: theo dõi, theo dõi.</i> (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Rủi ro	Yếu tố và sự kiện bên ngoài có thể ảnh hưởng đến tiến trình hoặc sự thành công của một dự án, và thường không đúng. Chúng được hình thành theo cách tiêu cực. (EC –PCM)
Phân tích rủi ro	Phân tích hoặc đánh giá các yếu tố (được gọi là các giả định trong khung logic) ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến việc đạt được thành công các mục tiêu của một can thiệp. Một nghiên cứu chi tiết về các hậu quả tiêu cực và không mong muốn tiềm ẩn cho cuộc sống, sức khỏe, tài sản của con người, hoặc môi trường do các can thiệp phát triển tạo ra; một quá trình có hệ thống nhằm cung cấp thông tin liên quan đến những hậu quả không mong muốn, quá trình lượng hóa các xác suất và các tác động dự kiến cho các rủi ro đã được xác định. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Tự đánh giá	Đánh giá bởi những người làm công tác quản lý hoặc tham gia vào một chương trình hay dự án tại chỗ và (hoặc) bởi những người được giao phó công việc thiết kế và thực hiện toàn bộ hoặc một phần can thiệp phát triển. Cũng như bất cứ một đánh giá nào, tự đánh giá tập trung vào tác động tổng thể và việc thực hiện, hoặc những khía cạnh cụ thể của nó. (IFAD 2002)
Các cơ quan tham gia	Bất kỳ một cá nhân, một nhóm người, một cơ quan hay một doanh nghiệp có thể có liên quan đến dự án/chương trình. Họ có thể - trực tiếp hoặc gián tiếp, tích cực hoặc tiêu cực - ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi quá trình và những kết quả của dự án hoặc chương trình.
Sự tham gia của các cơ quan tham gia	Là sự chủ động tham gia của các cơ quan tham gia trong việc thiết kế, quản lý và theo dõi dự án. Sự tham gia trọn vẹn nghĩa là tất cả đại diện của các nhóm liên quan chính trong phạm vi dự án tham dự các hoạt động của dự án theo các cách phù hợp và có sự đồng thuận. (IFAD 2002)
Đánh giá chiến lược	Đánh giá về một vấn đề cụ thể, thường là vấn đề chung, với những gợi ý quan trọng cho những ưu tiên phát triển chính của Chính phủ và nhà tài trợ, và với rủi ro cao cho các cơ quan tham gia. Thời gian của đánh giá chiến lược đặc biệt quan trọng do tính cấp bách của vấn đề có thể tạo ra rủi ro cao và gây ra những quan điểm mâu thuẫn nhau từ phía những cơ quan tham gia. Đánh giá này nhằm thúc đẩy sự hiểu biết sâu hơn về vấn đề, giảm những điều không chắc chắn liên quan đến những lựa chọn khác nhau

	trong việc xác định vấn đề, và giúp đạt tới một thỏa thuận làm việc giữa các cơ quan tham gia và cho phép các cơ quan tham gia khác nhau đạt tới một cách hiểu chung về các vấn đề chính sách nhất định, đóng vai trò là một bước quan trọng để hướng tới việc hình thành chính sách. (UNDP 2002)
Lập kế hoạch chiến lược	Mô tả chung về các hoạt động thường sẽ được thực hiện như một phần của phát triển dự án, từ khi bắt đầu cho đến kết thúc, và những mốc nhìn chung sẽ đạt được trong quá trình thực hiện, như những thỏa thuận thực hiện, đăng ký, vv. Kế hoạch cũng phải giải thích các khía cạnh khác nhau cần quan tâm như một phần của phát triển dự án, và mô tả các nguyên tắc cơ bản cần phải tuân thủ. Một thứ tự của mối quan hệ giữa các hoạt động chính và các mốc cũng cần được mô tả. Báo cáo thẩm định cũng nên được sử dụng như một điểm khởi đầu cho việc gạn lọc kế hoạch chiến lược cũng như các kế hoạch hoạt động cụ thể. (IFAD 2002)
Đánh giá tổng kết	Nghiên cứu đặt ra những câu hỏi về tác động của một chính sách, chương trình hoặc một can thiệp đối với các kết quả cụ thể và đối với các nhóm người khác nhau. Đánh giá này tìm kiếm những ước lượng về các ảnh hưởng của một chính sách hoặc là dưới dạng những gì ngay từ đầu dự kiến sẽ xảy ra, hoặc dưới dạng so sánh với các can thiệp khác, hoặc so sánh với việc không làm gì cả (tức là sự đối chứng). (DfID)
Theo dõi	Đánh giá việc thực hiện một can thiệp, theo định kỳ hoặc là bất kỳ. <i>Ghi chú:</i> Thông thường “đánh giá” được sử dụng cho những đánh giá toàn diện hơn và (hoặc) đánh giá sâu hơn “theo dõi”. Xem xét thường nhấn mạnh đến các khía cạnh hoạt động. Đôi khi các thuật ngữ “xem xét”, “theo dõi” và “đánh giá” thường được sử dụng như những từ đồng nghĩa. <i>Thuật ngữ liên quan: theo dõi, xem xét.</i> (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Điều tra	Sự thu thập có hệ thống các thông tin từ một không gian xác định, thường bằng cách phỏng vấn hoặc phiếu điều tra cho một mẫu đơn vị trong không gian đó (ví dụ, người, các đơn vị thụ hưởng, người lớn). (UNDP 2002)
Tính bền vững	Sự tiếp tục hưởng lợi từ một can thiệp phát triển sau khi những hỗ trợ phát triển chính đã kết thúc. Là xác suất để tiếp tục có lợi ích lâu dài. (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Mục tiêu	Mục tiêu cụ thể trong đó chỉ rõ số lượng, thời gian và địa điểm của mục tiêu để nó được hiện thực hóa (IFAD 2002)
Nhóm mục tiêu	Cá nhân hoặc tổ chức cụ thể mà đầu tư đang thực hiện đem lại lợi ích (OED-WB 2001), (OECD-DAC 2002), (SIDA 2004)
Dự án hỗ trợ kỹ thuật	Dự án chủ yếu nhằm cung cấp các yếu tố kỹ thuật “phần mềm”,

	bao gồm phát triển năng lực thể chế, phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, kiến thức và kinh nghiệm, cung cấp các “đầu vào” kỹ thuật để chuẩn bị và thực hiện một dự án/chương trình đầu tư. (Nghị định 17/2001/NĐ-CP)
Đánh giá kết thúc	Đánh giá khi kết thúc một chương trình/dự án khi có báo cáo kết thúc, hoặc ngay sau đó.
Điều khoản tham chiếu	Nhiệm vụ yêu cầu của chủ thầu, mô tả cơ sở và các mục tiêu của dự án, các hoạt động theo kế hoạch, những đầu vào và đầu ra dự kiến, ngân sách, thời gian biểu và mô tả công việc. (EC-PCM)
Đánh giá theo chủ đề	Đánh giá một số can thiệp phát triển được lựa chọn, tất cả các can thiệp này đều tập trung vào một ưu tiên phát triển cụ thể giữa các quốc gia, các khu vực và các ngành. (OED-WB 2001), (OECD 2002), (SIDA 2004)
Kiểm tra chéo	Việc sử dụng các nguồn, các phương pháp hoặc các thành viên nhóm khảo sát khác nhau để kiểm tra chéo và làm cho sai số của các dữ liệu và thông tin ở mức giới hạn. (IFAD 2002)
Tính hiệu lực	Mức độ của một cái gì đó có thể tin cậy và thực sự đo lường được hay được xác nhận chính xác, bao gồm cả các chiến lược và các công cụ thu thập dữ liệu. (IFAD 2002)
Xác nhận	Quá trình kiểm tra chéo để đảm bảo các dữ liệu thu được từ một phương pháp theo dõi được khẳng định bởi các dữ liệu thu được từ một phương pháp khác. (IFAD 2002)
Kế hoạch công việc	Lịch trình trong đó đề ra các hoạt động và các nguồn lực cần thiết để đạt được các kết quả và mục đích của một dự án

Nguồn : “Tăng cường Năng lực Theo dõi và Đánh giá dự án Việt Nam – Ôxtrâyliá” giai đoạn 1 và 2;

3. PHƯƠNG PHÁP THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN

3.1 Các phương pháp phân tích so sánh

Có nhiều phương pháp được sử dụng để theo dõi đánh giá BME. Ba phương pháp sau đây thường được sử dụng để đánh giá so sánh những thay đổi được tạo ra do hoạt động đầu tư Dự án.

a Trước và sau – so sánh các dữ liệu đo lường về một chỉ số “trước” và “sau” khi chương trình/ dự án bắt đầu. Ví dụ, so sánh số liệu về các hộ nghèo, số liệu về năng suất và sản lượng cây trồng trước khi có chương trình/ dự án và các số liệu ở giai đoạn kết thúc.

Phương pháp

Có nhiều loại thông tin để so sánh các chỉ số trước và sau DA. Thông thường có 2 nguồn thông tin được để so sánh /đánh giá .

- Nguồn thông tin thứ cấp : Thông tin thu thập từ các cơ quan liên quan, các bên tham gia DA như Tổng cục thống kê, Chi cục thống kê, các bộ phận thống kê thuộc UBND Huyện, xã; từ các Bộ như Bộ NN&PTNT, Bộ KH&CN. Bộ TN&MT ..., từ các Sở theo ngành dọc của các Bộ như Sở NN& PTNT, Sở KH&CN, Sở TN&MT...Ngoài ra số liệu thứ cấp còn được thu thập từ các cơ quan chuyên môn khác như Công ty KTCTTL... Thông thường nguồn số liệu thứ cấp được thu thập thông qua các bảng, biểu đã được thiết kế sẵn, đôi khi người ta cũng tận dụng các biểu mẫu đã được các cơ quan thiết kế mang tính thống nhất toàn quốc (ví dụ các biểu mẫu về các số liệu sử dụng đất do tổng cục thống kê ban hành, các biểu mẫu thu thập số liệu về nghèo đói)
- Nguồn thông tin sơ cấp: gồm các thông tin thu thập từ các cuộc phỏng vấn, trả lời câu hỏi theo mẫu bảng hỏi, các cuộc thảo luận nhóm, phỏng vấn bán cấu trúc ... Nguồn số liệu sơ cấp được thu thập thông qua bảng hỏi không theo mẫu qui định. Tùy thuộc vào mục tiêu của từng DA mà thiết kế bảng hỏi khác nhau. Thay đổi trong thu nhập hộ là một trong các chỉ tiêu quan trọng để đánh giá hiệu quả DA mang lại đối với người hưởng lợi.

b. Có và không có (đối chứng) – so sánh dữ liệu đo lường về một chỉ số giữa cộng đồng hoặc địa phương có các hoạt động đầu tư và so sánh chúng với dữ liệu tương ứng của cộng đồng hoặc địa phương tương tự nhưng không có hoạt động đầu tư. Đây cũng được gọi là “so sánh đối chứng” bởi vì cộng đồng hoặc địa phương không có hoạt động đầu tư được gọi là có đối chứng. Ví dụ, đo lường thu nhập hộ gia đình của nhóm những người được tham gia vào chương trình/ dự án đầu tư phát triển nông thôn và so sánh sự thay đổi thu nhập trong nhóm đó với nhóm các hộ gia đình có đối chứng, tức là không tham gia vào chương trình/ dự án đầu tư phát triển bởi vì họ nằm ngoài khu vực thực hiện chương trình/ dự án.

Nguồn thông tin thu thập để đánh giá theo phương pháp đối chứng cũng được lấy từ 2 nguồn, tương tự như phương pháp trước. sau . Tuy nhiên, các thông tin thu thập được thực hiện cả 2 vùng có DA và vùng đối chứng.

Bảng 1: Các phương pháp phân tích so sánh khác nhau

Dạng so sánh	Căn cứ so sánh	Ưu điểm	Nhược điểm
Trước/Sau	Thay đổi lĩnh vực trọng tâm ưu tiên của chương trình, dự án theo thời gian	Đưa ra những thời điểm rõ ràng cho việc thu thập dữ liệu	Đòi hỏi phải nắm được những yếu tố khác ảnh hưởng đến kết quả. Có thể khó giải thích những thay đổi quan sát được do các

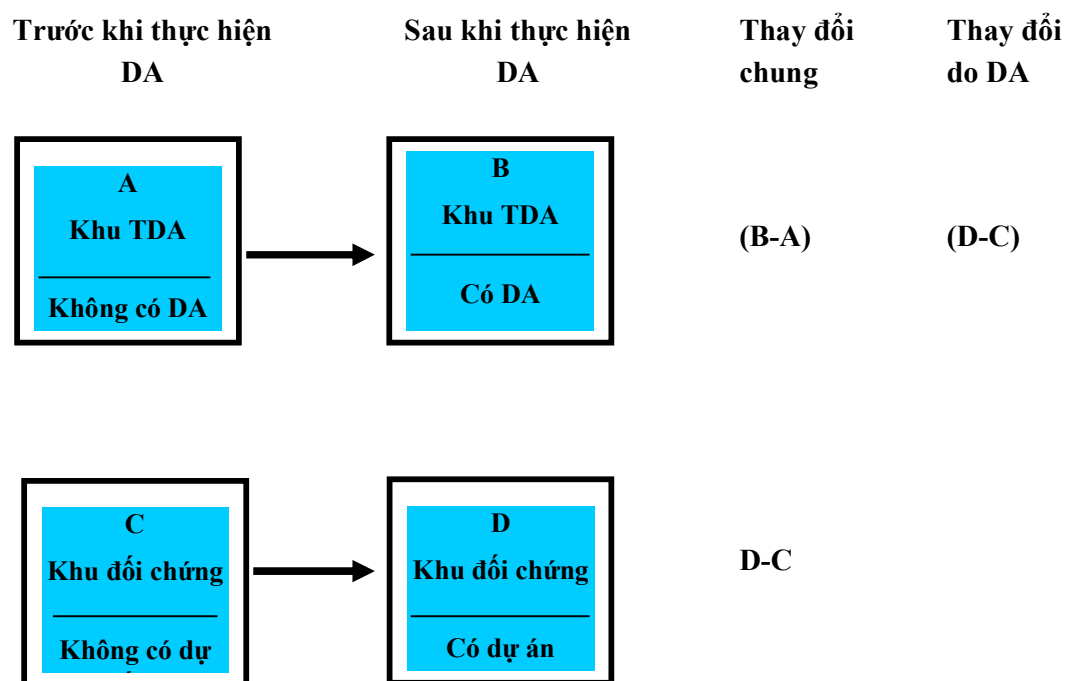
Dạng so sánh	Căn cứ so sánh	Ưu điểm	Nhược điểm
			yếu tố ảnh hưởng khác
Có/Không có (đối chứng)	Thay đổi giữa một khu vực địa lý hoặc một chương trình dự án với một khu vực hoặc một cộng đồng không có chương trình, dự án	- Tập trung vào những tác động đến nhóm mục tiêu. - Có thể giúp giải thích các nguyên nhân của sự thay đổi.	- Có thể khó tìm ra các khu vực có hoặc không có hoạt động đầu tư để so sánh được. - Việc đảm bảo tính tương thích giữa hai nhóm là rất khó khăn. - Những thay đổi trong thiết kế khi đang tiến hành có thể làm sai lệch các phát hiện.
Khác biệt so với kế hoạch	Thay đổi diễn ra theo thời gian giữa kế hoạch với thực tế diễn ra	- Nhanh và đơn giản. - Đưa ra bằng chứng hữu hình để hỗ trợ cho hoạt động quản lý. - Dễ diễn giải và báo cáo	Đo lường thay đổi có thể bị chậm trễ so với những thay đổi thực tế và do đó làm cho các hoạt động quản lý phản ứng chậm lại

Như đã được tóm tắt trong Bảng 1, mỗi lựa chọn đều có những ưu điểm và nhược điểm. Cả ba lựa chọn đều có thể được thực hiện mà có sử dụng hoặc không sử dụng các chỉ số được xác định trước, và theo cả phương pháp định tính hoặc định lượng.

Phương án lựa chọn đối với các nghiên cứu cơ sở

Nhiều BQLDA thấy rằng thông tin cơ sở là khó để thực hiện tốt và đúng thời gian. Có thể sử dụng 3 cách thay thế cho phương pháp điều tra chuẩn tắc:

- **Sử dụng các đo lường đầu tiên như là điểm xuất phát** - cách này đo lường xem có những tiến bộ hay có những sụt giảm so với những đo lường đầu tiên, hoặc so với kết quả mong muốn, mục tiêu hoặc mục đích đầu tư. Nó thường sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian từ các chỉ số được lựa chọn.
- **Cơ sở biến đổi của các thông tin cơ bản** – cách này liên quan đến thu thập thông tin cơ sở để xây dựng các thông tin cơ bản không phải ngay lập tức, mà trên cơ sở liên tục khi các tổ chức ở làng xã được thành lập hoặc khi các nhóm tín dụng bắt đầu đi vào hoạt động. “Cơ sở biến đổi” là một lựa chọn ở giữa phương pháp có cơ sở đầy đủ và phương pháp đánh giá tác động dựa trên hồi tưởng.
- **Sử dụng một cách tối ưu các tài liệu sẵn có** – cách này mô tả tình huống ban đầu dựa trên các tài liệu sẵn có mà không đòi hỏi thu thập dữ liệu thực địa.



Sơ đồ 3 Phương pháp BME ‘Trước/ Sau’, “Có/không có” Dự án

Ví dụ 1 Bảng đánh giá BME theo phương pháp “Trước” và “Sau” (năm cơ sở, năm đang thực thi và năm kết thúc DA) xét trường hợp tiểu dự án (TDA) Nam Yên Dững

Bảng 2 TDA Nam Yên Dững, Bắc Giang

GIỚI THIỆU TÓM TẮT DỰ ÁN NAM YÊN DỮNG			
I. TÊN TDA : <i>Nâng cấp và cải tạo trục tiêu Nam Yên Dững</i>			BaselineYear: 2005
1. Tỉnh:	Bắc Giang		SPO: 402
2. Tổng diện tích của hệ thống:	10,040 ha.		10,040 ha.
3. Loại dự án:	Nâng cấp và Cải tạo		
4. Diện tích vùng dự án (ha)		Trước DA	Sau DA
Tiêu		8.200	
Tưới		5.340	
5. Diện tích ngập lụt trung bình			
6. Tổng chi phí TB hàng năm IDMC (VNĐ)	VNĐ	3.406.326	
7. Chi phí tiền điện TB hàng năm	VNĐ	1.634.395	

GIỚI THIỆU TÓM TẮT DỰ ÁN NAM YÊN DỪNG			
		(40%)	
8. Chi phí sửa chữa thường xuyên TB hàng năm	VNĐ	258.536 (7.7%)	
9. Tuổi thọ công trình (năm)	50		
		Ngày bắt đầu	Hoàn thành /phê duyệt
10. Nghiên cứu khả thi		03/2001	09/2002
11. Thiết kế kỹ thuật			11/2004
II. CÁC HẠNG MỤC NÂNG CẤP CẢI TẠO			
Cụm công trình đầu mối:			
1. Trạm bơm Yên Tập: bổ sung 4 tổ máy bơm Qps = 24,000 m ³ /h; 2. Trạm bơm Tụ Mai: sửa chữa 6 tổ máy bơm, bổ sung 3 máy bơm Qps = 18,000 m ³ /h; 3. Trạm bơm Ghềnh Nghệ: thay thế trạm bơm cũ bằng trạm mới với 7 tổ máy bơm Qps = 20,910 m ³ /h.			
Hệ thống kênh dẫn nước:			
1. Kênh tiêu chính (30 km): nạo vét 7 kênh chính và sửa chữa 144 công trình nội đồng; 2. Các kênh tiêu cấp 2 (11,2 km): nạo vét 5 tuyến kênh và sửa chữa 5 cầu bộ hành và 7 cống; 3. Kênh tưới chính (9,6 km, từ kênh chính Tụ Mai và Cổ Pháp): kiên cố hoá một số đoạn và sửa chữa hoặc xây mới 79 công trình trên kênh; 4. Kênh tưới cấp 2 (7 km): kiên cố hoá một số đoạn kênh; 5. Nâng cấp 1000 m kênh cấp 3 của Tụ Mai.			
12. Dân số:	70.000 người (51 % là nữ).		
13. Lao động nông nghiệp:	90 %		
14. Lao động khác :	10 %		
III. MỤC TIÊU DA:			
1. Bảo đảm tiêu nước cho khoảng 8.200 ha đất tự nhiên; và 2. Bảo đảm nước tưới cho khoảng 5.340 ha đất canh tác.			

Ví dụ 2 Bảng đánh giá BME theo phương pháp so sánh sai lệch thực tế so với kế hoạch theo các năm, xét trường hợp tiểu dự án Nam Yên Dững

Bảng 3 So sánh diện tích tưới kế hoạch và thực tế

TT	Năm	Kế hoạch (ha)				Thực hiện (ha)				Hoàn thành KH (%)
		Đầy đủ	Tạo nguồn	Một phần	Tổng	Đầy đủ	Một phần	Tạo nguồn	Tổng	
1	1996	2950.3	2802.1	145.9	5898.3	2637.3	3062.4	154.3	5854	99.2
2	1997	3186.7	2827	116.5	6130.2	2851.9	2955.2	156.1	5963.2	97.3
3	1998	3775.7	2709.9	82	6567.6	3225.7	2973.3	187.1	6386.1	97.2
4	1999	3614.9	3141.9	200	6956.8	3523.9	3173.4	209.5	6906.8	99.3
5	2000	3941.9	2812.6	185.5	6940	3507.7	3150.1	186.4	6844.2	98.6
6	2001	4044.6	2811.8	168.9	7025.3	3531.5	3096.1	180	6807.6	96.9
7	2002	4028.8	2879.7	154	7062.5	3609.1	3119	292.5	7020.6	99.4
8	2003	3823.1	3197.2	171.6	7191.9	3696.3	3310.8	161.8	7168.9	99.7
Trung bình (ha)		3670.8	2897.8	153.1	6721.6	3322.9	3105.0	191.0	6618.9	
Tổng số (%)		54.6	43.1	2.3	100.0	50.2	46.9	2.9	100.0	

Nguồn: Công ty Nam Yên Dững Tháng 8/2004

Ví dụ 3 Bảng đánh giá BME theo phương pháp so sánh số liệu thực tế theo các năm, xét trường hợp tiểu dự án Nam Yên Dững

Bảng 4 So sánh thực tế về năng suất, sản lượng các loại cây theo các năm

Cây trồng	2003		2004		2005		Trung bình	
	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
Lúa Đông xuân	41,68	17882	45,76	19750	49,01	21422	40,6	17.364
Lúa Hè thu	46,54	19821	47,16	20335	44,72	19073	40,2	16.209
Ngô	19,06	373	24,33	528	25,03	996	24,3	806
Khoai lang	66,52	3988	65,8	4613	68,5	3726	62	4.164
Lạc	11,31	291	10,4	230	15	276	10,6	201
Đậu tương	6,36	48	8,39	102	9,2	42	8	65
Rau	125,06	10868	113,61	11759	119,2	12576	122,1	9.906
Tổng		52898		57317		58112		48.582

Nguồn : Thống kê huyện Yên Dững

Ví dụ 4

Phương pháp đối chứng theo thời gian, xét trường hợp tiểu dự án Nam Yên Dũng

Xác định vùng có tiểu dự án(TDA) và vùng đối chứng (VĐC)

Dựa vào các tiêu chí sau đây để lựa chọn vùng đối chứng so sánh với vùng có TDA gồm:

1. Vị trí, địa giới
2. Nguồn nước và quy mô công trình
3. Diện tích và hoạt động sản xuất nông nghiệp
4. Quy mô dân số
5. Tỷ lệ nghèo đói

Lựa chọn huyện vùng TDA và VĐC

Huyện Yên Dũng có 9 xã và 1 thị trấn, trong tổng số 23 xã và 1 thị trấn, nằm trong vùng tiểu dự án . Qua khảo sát thực địa với người dân địa phương và cán bộ công ty thủy nông Nam Yên Dũng, nhóm chuyên gia chọn huyện Việt Yên là huyện đối .

Bảng 5 Số liệu thống kê cơ bản so sánh huyện có TDA (Yên Dũng) và huyện đối chứng (Việt Yên)

tt	Huyện/Thành phố	Số xã, phường hoặc thị trấn	Dân số (nghìn người)	Diện tích tự nhiên (ha)	Diện tích đất nông nghiệp (ha)
1	Yên Dũng	24	162,400	21.291	11.371,79
2	Việt Yên	19	155.630	1.150	10.109,65

Nguồn : Thống kê tỉnh Bắc Giang

(Bản đồ minh họa vùng đối chứng)

Lựa chọn các xã vùng TDA và vùng đối chứng

Ở mỗi huyện Yên Dũng và Việt Yên sẽ có hai xã, một xã nghèo và một xã không nghèo theo chuẩn quốc gia hiện nay, được chọn ra để nghiên cứu: i) Đối với huyện Yên Dũng: xã Đức Giang được lựa chọn là xã không nghèo và xã Tiến Dũng được chọn là xã nghèo, ii) Đối với huyện Việt Yên: Xã Bích Sơn được lựa chọn là xã không nghèo và xã Trung Sơn được lựa chọn là xã nghèo.

Bảng 6 Số liệu so sánh các xã vùng TDA và VDC

Vùng	Xã	Diện tích tự nhiên (ha)	Diện tích đất nông nghiệp (hs)	Dân số (người)	Tổng số hộ	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
Vùng TDA (Yên Dũng)	Đức Giang	1.010	512	7.129	1.771	16
	Tiến Dũng	909	612	7.000	1.685	4,8
Vùng VDC (Việt Yên)	Bích Sơn	1.292	565	9.966	2.302	5,1
	Trung Sơn	1.672	592	9.921	2.013	18,3

Nguồn: Thống kê UBND huyện Yên Dũng và Việt Yên

Lựa chọn thôn và hộ

Sau khi lựa chọn được 4 xã là Đức Giang, Tiến Dũng (huyện Yên Dũng), xã Bích Sơn, Trung Sơn (huyện Việt Yên). Nhóm tư vấn BME/PPMS họp với từng xã để lựa chọn thôn, mỗi xã chọn 3 thôn theo các tiêu chí sau:

1. Lấy nước thuận lợi,
2. Lấy nước khó khăn và
3. Lấy nước không thuận lợi và cũng không khó khăn – ở giữa hai mức nói trên.

Từ mỗi thôn chọn 3 hộ gia đình theo các tiêu chí là: một hộ nghèo, một hộ không nghèo và một khá giả theo chuẩn phân loại hộ giàu nghèo hiện nay của Việt Nam để ghi nhật ký và để tiến hành đánh giá.

Ví dụ 5 Số liệu đầu ra của vùng DA và vùng đối chứng

Mã số phiếu 2 : RRB-BME/PPMS

DỰ ÁN LƯU VỰC SÔNG HỒNG GIAI ĐOẠN 2

CHI PHÍ -THU NHẬP NÔNG NGHIỆP/HA CHO VỤ LÚA ĐÔNG XUÂN NĂM BASELINE

Hạng mục	Đơn vị	KL DA	KL ĐC	Vùng DA		Vùng Đối Chứng	
				Giá(VNĐ)	Tiền (VNĐ)	Giá(VNĐ)	Tiền (VNĐ)
I. TỔNG THU NHẬP							
Năng suất	Tấn/ha	4.10	4.50	2,200,000.00	9,020,000.00	2,200,000.00	9,900,000.00
II. CHI PHÍ ĐẦU VÀO							
A.Lao động	công lao động	130.00	130.00	20,000.00	2,600,000.00	20,000.00	2,600,000.00
B. Chi phí khác					0.00		0.00
- Giống	Kg.	160	160	4,000	640,000.00	4,000	640,000.00
- Phân chuồng	Kg.	6,500	6,500	200	1,300,000.00	200	1,300,000.00
- Urê	Kg.	195	195	2,800	546,000.00	2,800	546,000.00
- Phân lân	Kg.	278	278	1,100	305,800.00	1,100	305,800.00
- Kali	Kg.	139	139	2,500	347,500.00	2,500	347,500.00
- Thuốc trừ sâu	Kg.	2.0	2.0	40,000	80,000.00	40,000	80,000.00
- Vôi	370	370.00	370.00	50.00	18,500.00	50.00	18,500.00
C. Chi phí làm đất	ngày	56.00	56.00	20,000.00	1,120,000.00	20,000.00	1,120,000.00
D. Thuỷ lợi phí	VND						
Tổng chi phí đầu vào					6,957,800.00		6,957,800.00
THU NHẬP RÒNG/HA					2,062,200.00		2,942,200.00

Nguồn: Phòng Nông nghiệp huyện Yên Dũng

Mã số phiếu 3: RRB-BME/PPMS

DỰ ÁN LƯU VỰC SÔNG HỒNG GIAI ĐOẠN 2

CHI PHÍ -THU NHẬP NÔNG NGHIỆP/HA CHO CÂY NGÔ NĂM BASELINE

Hạng mục	Đơn vị	KL DA	KL ĐC	Vùng DA		Vùng Đối Chứng	
				Giá(VNĐ)	Tiền (VNĐ)	Giá(VNĐ)	Tiền (VNĐ)
I. TỔNG THU NHẬP							
Năng suất	Tấn/ha	2.43	2.45	2,500,000.00	6,075,000.00	2,500,000.00	6,125,000.00
II. CHI PHÍ ĐẦU VÀO							
A.Lao động	công lao động	120.00	120.00	20,000.00	2,400,000.00	20,000.00	2,400,000.00
B. Chi phí khác							
- Giống	Kg.	24	24	20,000	480,000.00	20,000	480,000.00
- Phân chuồng	Kg.	5,000	5,000	200	1,000,000.00	200	1,000,000.00
- Urê	Kg.	80.00	80.00	2,800	224,000.00	2,800	224,000.00
- Phân lân	Kg.	260.00	260.00	1,100	286,000.00	1,100	286,000.00
- Kali	Kg.	50.00	50.00	2,500	125,000.00	2,500	125,000.00
- Thuốc trừ sâu	Kg.	1.00	1.00	40,000.00	40,000.00	40,000.00	40,000.00
Vôi	Kg.	400.00	400.00	50.00	20,000.00	50.00	20,000.00
C. Chi phí làm đất	ngày	65.00	65.00	20,000.00	1,300,000.00	20,000.00	1,300,000.00
D. Thủy lợi phí	VND						
Tổng chi phí đầu vào					5,875,000.00		5,875,000.00
THU NHẬP RÒNG/HA					200,000.00		250,000.00

Nguồn: Phòng Nông nghiệp huyện Yên Dũng/ Việt Yên

4 CÔNG CỤ VÀ CÁC BỘ CHỈ SỐ, CÁC TIÊU CHÍ ĐỂ ĐÁNH GIÁ

4.1. Lựa chọn chỉ tiêu BME

4.1.1 Các chỉ tiêu BME chính

Những tiêu chí trọng điểm BME nhằm đáp ứng được những thay đổi trong hạng mục hoặc vùng kết quả chính và nhằm đánh giá những thay đổi do các hoạt động đầu tư dự án mang lại. Tập hợp các tiêu chí này được đơn giản hoá dựa vào nguyên tắc tập hợp các thông tin được tối thiểu hoá nhằm đáp ứng mục đích theo dõi và đánh giá. Mục tiêu của BME dựa trên cơ sở khung dự án và phản ánh nguyên tắc theo hướng kết quả thu được. Ví dụ DA xóa đói giảm nghèo trong Nông những mục tiêu này là: xác định, quản lý và tạo điều kiện nâng cao sản xuất nông nghiệp, thu nhập cho nông dân và giảm đói nghèo thông qua việc cải tiến duy trì hệ thống thủy lợi và hoạt động tham gia của người dân.

Chỉ tiêu BME được lựa chọn có thể được xếp thành các nhóm khác nhau để xác định, theo dõi, đánh giá hiệu ích và hoạt động dự án. Các tiêu chí được lựa chọn là i) hệ thống vận hành và quản lý tài chính; ii) hoạt động kinh tế; iii) giảm nghèo; iv) tăng cường thể chế và v) sức khỏe và môi trường. Thông qua dự án, có thể đạt được sự duy trì và cải tiến hệ thống tưới tiêu, cải tiến hệ thống tài chính, giảm nghèo, phát huy quyền làm chủ của người dân đối với các công trình, nâng cao chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng. Căn cứ vào khung làm việc dự án và mục tiêu của dự án BME, những tiêu chí chủ đạo theo đúng hạng mục 5 kết quả chủ đạo là:

1. *Hệ thống vận hành và quản lý tài chính* (i) khu vực được hưởng lợi, (ii) cải tiến cơ sở hạ tầng, (iii) tiến độ tài chính, (iv) chi phí phục hồi duy tu và bảo dưỡng;
2. *Hoạt động kinh tế* :: (i) sản xuất nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp, thu nhập nông nghiệp người dân làm việc cho dự án;
3. *Giảm đói nghèo* : (i) mức độ nghèo đói, (ii) sự tham gia của người dân trong việc thực hiện, (iii) kế hoạch di dân, (iv) chương trình hỗ trợ phát triển nông nghiệp;
4. *Tăng cường thể chế*: (i) kiểm soát cộng đồng trong vấn đề duy tu và bảo dưỡng, năng lực xây dựng chương trình
5. *Sức khỏe và môi trường* : i) chất lượng nước, (ii) bệnh có nguồn gốc từ nước.

4.1.2. Lý do cho việc lựa chọn các chỉ tiêu chính BME

Hoạt động hệ thống và quản lý tài chính: hệ thống vận hành và quản lý tài chính đánh giá và theo dõi liệu hệ thống của dự án có được quản lý hiệu quả và duy trì trong khuôn khổ lâu bền không. Nó bao gồm khu vực được hưởng lợi, cải tiến cơ sở hạ tầng, tiến độ tài chính và chi phí phục hồi duy tu và bảo dưỡng. Những khu vực được hưởng lợi được tính toán để xác định việc duy trì hiệu quả của hệ thống. Những vùng mà có hệ thống phòng lũ, hệ thống thủy lợi có thể là những tiêu chí của việc duy trì hệ thống tiểu dự án.

Hoạt động kinh tế: vấn đề kinh tế liên quan trực tiếp tính hiệu quả và năng suất của các dự án đầu tư. Điều này chỉ đạt được thông qua việc nâng cao thu nhập của người dân. Thu nhập gồm từ các nguồn nông nghiệp và phi nông nghiệp. Việc tăng thu nhập

trong nông nghiệp liên quan đến những thay đổi trong sản xuất và năng suất nông nghiệp và phi nông nghiệp, giá cả tăng, cơ cấu mùa màng và đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp. Do đó, theo hạng mục về kinh tế trong đó sản xuất nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp, thu nhập nông nghiệp và phi nông nghiệp sẽ được lựa chọn.

Giảm nghèo: Giảm nghèo cùng với cải thiện kinh tế là nhân tố quan trọng để bắt đầu và thực hiện dự án. Điều này được xác định bằng cách tính toán mức độ đói nghèo và các hoạt động giảm nghèo như hoạt động tham gia của người dân, kế hoạch di dân, chương trình hỗ trợ nông nghiệp

Cũng có những trường hợp mà dự án bị thất bại trong việc cải thiện điều kiện sống của những người nghèo, những người sống ở điều kiện dưới mức bình thường mặc dù những dự án này nói chung cũng có thành công. Giảm nghèo liên quan đến những tiêu chí mà hỗ trợ cho theo dõi và đánh giá những kết quả của dự án.

Tính toán mức độ đói nghèo ở các xã, làng và hộ gia đình hỗ trợ xác định những người nghèo cũng như theo dõi được thành quả của công tác giảm nghèo. Việc lên kế hoạch, thực hiện, theo dõi, đánh giá dự án có sự tham gia của người dân gồm cả những người sống dưới mức nghèo đói. Việc tham gia đó được sẽ giúp đỡ và tạo động lực cho những người được hưởng lợi có được ý thức tự giác và quyền làm chủ trong vấn đề quản lý.

Đền bù và di dân giải quyết được vấn đề giảm tác động của dự án và đảm bảo các chương trình được thực hiện đầy đủ đúng theo tiêu chuẩn của dự án và những người bị ảnh hưởng sẽ được giải quyết theo đúng tiêu chuẩn.

Chương trình hỗ trợ phát triển nông nghiệp được tiến hành trong dự án nhằm đảm bảo những người được hưởng lợi được trang bị tốt để vận hành và quản lý những nguồn tài nguyên thiên nhiên nhằm nâng cao sự tăng trưởng kinh tế. Chúng ta mong đợi giai đoạn mở đầu và thực hiện dự án sẽ giúp những người dân và xã nghèo tăng thu nhập và giảm đói nghèo.

Tăng cường thể chế: Khía cạnh thể chế liên quan đến việc đáp ứng nhu cầu xã hội khắc phục những thiếu sót phát sinh từ thử thách phát triển của cơ quan thực hiện và những người liên quan.

Môi trường và sức khỏe: Đánh giá thực trạng và đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường sẽ tăng cường việc bảo vệ sức khỏe con người. Khía cạnh môi trường được theo dõi bởi những chỉ số như chất lượng nước. Sức khỏe cộng đồng sẽ được xác định bởi phạm vi ảnh hưởng của bệnh có nguyên nhân từ nước (DA thủy lợi). Dữ liệu được thu thập từ hệ thống theo dõi môi trường được thiết lập.

Thí dụ 6 Về các nhóm chỉ tiêu đánh giá DA Thủy lợi ADB

Nhóm chỉ tiêu BME

TT	Chỉ tiêu BME	Mã phiếu	Nhóm TDA	Nguồn thu thập số liệu
I.	Nhóm chỉ tiêu đánh giá các hoạt động hệ thống và tài chính			
	Phân tích Nguồn thu	RRB/BME-01 a	1,2,3	Công ty KTCTTL
	Phân tích Nguồn chi	RRB/BME-01a	1,2,3	Công ty KTCTTL
	Cân đối thu chi của công ty	RRB/BME-01a	1,2,3	Công ty KTCTTL
1	Tình hình sử dụng đất vùng TDA	RRB/BME-01	1,2	Cục/Phòng TK, Phòng NLT
2	Tổng diện tích vụ của TDA	RRB/BME-01	1,2	Ban quản lý TDA, Báo cáo NCKT
3	Diện tích tưới tiêu theo cây trồng, mùa vụ	RRB/BME-01	1,2	Công ty KTCTTL, Phòng NLT
4	Diện tích tưới tiêu theo các hình thức phục vụ	RRB/BME-01	1,2	Công ty KTCTTL, Phòng NLT
5	Số liệu thủy văn	RRB/BME-02	1,2,3	Công ty KTCTTL, Trạm khí tượng
6	Các hoạt động về vận hành hệ thống	RRB/BME-02	1,2	Công ty KTCTTL, Phòng NLT
7	Diện tích phòng chống lũ: Thời gian, diện tích và thời gian ngập úng		3	Công ty KTCTTL/Chi cục QLDD &PCLB
8	Quản lý tài chính của công ty KTCTTL về TDA (Chi phí vận hành, bảo dưỡng, thu nhập, chi phí)	RRB/BME-09a	1,2	Công ty KTCTTL, Chi cục PCLB&QLDD
9	Thủy lợi phí (tỉ lệ thu)	RRB/BME-09b	1,2	Công ty KTCTTL, Phòng NLT, Điều tra hộ Nông dân
10	Đóng góp của nông dân vào công tác duy tu bảo dưỡng kênh mương nội đồng và các cơ sở hạ tầng	RRB/BME-16	1,2	Công ty KTCTTL, HTX, Điều tra hộ nông dân

Nhóm chỉ tiêu BME

TT	Chỉ tiêu BME	Mã phiếu	Nhóm TDA	Nguồn thu thập số liệu
	khác ở địa phương			
II	Nhóm chỉ tiêu đánh giá nông nghiệp			
1	Diện tích canh tác, năng suất, sản lượng các loại cây trồng	RRB/BME-03	1,2,3	Công ty KTCTTL, Cục/Phòng TK, Phòng NLT
2	Các chi phí cho các đầu vào sản xuất nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu, công lao động, giống...)	RRB/BME-05,06,07	1,2,3	Cục/Phòng TK, Phòng NLT, Nhật ký hộ dân
3	Thu nhập từ nông nghiệp và phi nông nghiệp		1,2,3	Nhật ký hộ dân
4	Công lao động theo giới		1,2,3	Nhật ký hộ dân
III.	Nhóm chỉ tiêu đánh giá về giảm nghèo			
3.1	Mức đói nghèo: Tỷ lệ phần trăm số hộ thuộc diện nghèo đói; Số lượng và phạm vi ảnh hưởng của các xó nghèo	RRB/BME-09	1,2,3	Phòng TK, DOLISA, từ PRA
3.2	Sự tham gia của người hưởng lợi		1,2,3	
	- Số lượng nông dân đó tham gia trong các hoạt động trợ giúp phát triển nông thôn - Số lượng thành viên nữ giới trong ban Trợ giúp phát triển nông thôn - Số lượng thành viên của nhóm dân tộc thiểu số trong ban Trợ giúp phát triển nông thôn		1,2,3	RDSC, từ PRA

Nhóm chỉ tiêu BME

TT	Chỉ tiêu BME	Mã phiếu	Nhóm TDA	Nguồn thu thập số liệu
3.3	Kế hoạch tái định cư: - Diện tích đất đền bù - Giá trị đền bù - Số hộ tái định cư và/hoặc được đền bù	RRB/BME-10	1,2,3	CPO,SPO, PIUs,
3.4	Chương trình trợ giúp phát triển nông thôn (RDS) - Số lượng Ban RDS được thành lập - Số lượng các xó thực hiện các hoạt động RDS	RRB/BME-11	1,2,3	RDSC, Tư vấn NGOs
IV	Tăng cường thể chế		1,2,3	
4.1	Sự tham gia cộng đồng trong vận hành và quản lý - Số các Hội dùng nước, nhóm sử dụng nước tham gia; sẵn sàng thực hành PIM	RRB/BME-12	1,2,3	Công ty KTCTTL, UBND huyện, xã, từ PRA
4.2	Tăng cường năng lực - Số lượng cán bộ của các tổ chức và cơ quan chính quyền tham gia thực hiện dự án được đào tạo - Số lượng nông dân được đào tạo	RRB/BME-12	1,2,3	UBND huyện, xã, RDSCs
V	Môi trường và sức khỏe		1,2,3	
5.1	Chất lượng nước - Chỉ tiêu chất lượng nước	RRB/BME-13	1,2,3	DOSTE, tư vấn phần, mẫu nước

Nhóm chỉ tiêu BME

TT	Chỉ tiêu BME	Mã phiếu	Nhóm TDA	Nguồn thu thập số liệu
5.2	Các bệnh liên quan đến đường nước	RRB/BME-14	1,2,3	TT Y tế huyện, xã, hộ dân
	- Số lượng nông dân bị nhiễm các loại bệnh lây qua đường nước		1,2,3	

5 PHƯƠNG PHÁP THU THẬP, PHÂN TÍCH SỐ LIỆU

5.1 Các phương pháp thu thập dữ liệu để theo dõi kết quả

Phương pháp là cách thức có hệ thống và được thiết lập để thực hiện một công việc cụ thể. Các kỹ sư có các phương pháp để xem xét quá trình xây dựng. Nhân viên y tế có các phương pháp để xem xét tình trạng sức khỏe bệnh nhân. Các nhà nông học có các phương pháp để đo lường sản lượng hoa màu. Các nhà kinh tế học có các phương pháp để đo lường tỷ suất thu hồi vốn đầu tư. Các nhà nhân chủng học có các phương pháp để tìm ra các dạng thức ra quyết định của các hộ gia đình. Các nhân viên kế toán có các phương pháp để lập dự thảo ngân sách và báo cáo chi tiêu.

Theo dõi sử dụng rất nhiều các phương pháp để thu thập, phân tích, lưu trữ và trình bày thông tin. Thông thường chúng ta cần phải phối hợp nhiều phương pháp. Ví dụ, việc phối hợp đánh giá nông thôn có thể phải kết hợp hơn 10 phương pháp, từ sơ đồ thực địa cho đến bảng xếp hạng và thảo luận nhóm có chủ đề. Việc kết hợp nhiều phương pháp một cách có hệ thống được coi như một phương pháp luận. Ví dụ, phương pháp luận cho hội thảo hoặc phương pháp luận cho điều tra cơ sở.

Nhóm phương pháp theo dõi

Các phương pháp theo dõi thường được sử dụng có thể phân thành các nhóm sau:

- Phương pháp chọn mẫu (như xếp hạng nghèo đói hoặc vị trí địa lý)
- Phương pháp theo dõi trọng tâm (như phân tích các cơ quan tham gia và bảng câu hỏi)
- Phương pháp thảo luận nhóm (như lấy ý kiến tập thể và phân vai)
- Phương pháp thông tin phân bố theo không gian (như bản đồ và sơ đồ)
- Phương pháp thay đổi theo thời gian (như sổ nhật ký và ảnh)
- Phương pháp phân tích mối quan hệ và các liên kết (như khung logic, biểu đồ luồng tác động và cây vấn đề)
- Phương pháp xếp hạng và ưu tiên (như là ma trận, danh mục).

Mười hai bước trong lựa chọn phương pháp

12 bước này hướng dẫn cách thức lựa chọn phương pháp theo dõi:

1. Bạn cần biết cái gì? - đảm bảo chắc chắn rằng những đối tượng liên quan hiểu rõ nhu cầu thông tin nào có thể thu được thông qua quá trình theo dõi trước khi bắt đầu lựa chọn phương pháp.

2. Những người khác đã thu thập dữ liệu chưa? - các cơ quan nhà nước như Tổng cục Thống kê, các trường đại học, các tổ chức nghiên cứu sẽ có những dữ liệu có thể đáp ứng các nhu cầu về dữ liệu. Tìm hiểu cơ chế báo cáo của UBND phường (xã), quận (huyện), tỉnh hay chưa. Kiểm tra xem các dữ liệu theo dõi cần thiết đã có hay chưa và có đáng tin cậy không.

3. Các dữ liệu cần chính xác đến mức nào? - độ chính xác cao là mong muốn nhưng không phải lúc nào cũng cần thiết. Tính chính xác nói chung phải được quyết định bởi nguồn dữ liệu ít chính xác nhất.

4. Thông tin có liên quan đến một lĩnh vực chuyên môn không? - nếu có, phải tìm kiếm lời khuyên của các chuyên gia hoặc tài liệu chi tiết trước khi lựa chọn phương pháp.

5. Công việc có cần đến thông tin định tính hay thông tin định lượng không? - xem xét câu hỏi thực hiện hoặc chỉ số mà bạn đang tìm kiếm phương pháp cho chúng có cần thông tin định tính hay thông tin định lượng hay cả hai loại thông tin không.

6. Những cơ quan tham gia tham gia như thế nào vào việc thu thập hoặc phân tích dữ liệu? - quá trình có sự tham gia hay không và nếu có thì bạn sẽ làm việc với các cá nhân, với nhóm hay với cả hai.

7. Bạn sẽ sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu theo mẫu hay thu thập dữ liệu đầy đủ? - thường không có hiệu quả kinh tế khi thu thập dữ liệu từ tất cả những cơ quan tham gia. Vì vậy cần điều tra chọn mẫu. Phải quyết định được kích thước mẫu và làm rõ "cơ cấu lấy mẫu". Phải chọn mẫu tốt vì nó sẽ ảnh hưởng đến việc lựa chọn phương pháp nào là hợp lý, khả thi và tính pháp lý của các kết luận theo dõi ban đầu.

8. Có nhiều sự lựa chọn về phương pháp luận hay chỉ có một? - đôi khi thông tin chỉ có thể tìm được bằng một phương pháp, nhưng trong hầu hết các trường hợp thì có nhiều lựa chọn để có được thông tin. Và quy tắc là lựa chọn phương pháp có sự tham gia nhiều nhất và chi phí hiệu quả nhất.

9. Liệt kê các phương pháp có thể lựa chọn và thực hiện việc lựa chọn ban đầu - phương pháp được lựa chọn sẽ phụ thuộc rất nhiều vào thông tin cần thiết, kỹ năng của những cơ quan tham gia và mức độ chi tiết cần thiết. Phải đảm bảo rằng các phương pháp bổ trợ cho nhau trong việc cung cấp thông tin và các phương pháp cho phép kiểm tra chéo dữ liệu.

10. Sử dụng bảng liệt kê các danh mục để khẳng định phương pháp đúng đã được lựa chọn:

- Khả thi
- Thích hợp
- Pháp lý
- Tin cậy
- Xác đáng
- Linh hoạt
- Hiệu quả chi phí
- Kịp thời

11. Thử phương pháp - thử phương pháp theo dõi để đảm bảo có tính khả thi và sẽ cung cấp được các dạng thông tin mong muốn.

12. Xác định tần suất sử dụng - theo dõi đòi hỏi phải sử dụng nhiều lần một phương pháp trong quá trình thực hiện để so sánh với kế hoạch và rút ra những bài học.

5.2 Lập kế hoạch thu thập dữ liệu

Để chuẩn bị cho kế hoạch thu thập dữ liệu, điều quan trọng là:

- **Xem xét ai là người thu thập dữ liệu** - những người làm công tác điều tra thu thập dữ liệu theo dõi sẽ cần có những kỹ năng phù hợp với phương pháp được lựa chọn. Đối với phương pháp điều tra khảo sát thì cần những người phỏng vấn và nhóm điều hành phỏng vấn. Đối với những đo lường về mặt kỹ thuật thì sẽ cần đến các kỹ sư xây dựng và những người thẩm tra. Phải xem xét những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thu thập dữ liệu và việc thảo luận với những cơ quan tham gia. Những yếu tố này bao gồm: độ tuổi, giới tính, hiểu biết chung và vị trí trong cộng đồng, trình độ giáo dục, mức kinh tế xã hội, thái độ và tính cách, sức khỏe, ngôn ngữ, tôn giáo và văn hoá.
- **Xem xét phân bổ công việc thu thập và phân tích như thế nào** - số lượng người tham gia vào từng giai đoạn thu thập dữ liệu sẽ ảnh hưởng đến tính thống nhất và tính chính xác của dữ liệu. Càng nhiều người tham gia thì càng cần phải kiểm soát chất lượng và tổ chức tốt.
- **Đảm bảo rằng những người sử dụng phải thành thạo các phương pháp** - mỗi phương pháp cần được thử trước và được thực hiện do những người sẽ sử dụng chúng, sử dụng đào tạo trong công việc và các hoạt động xây dựng năng lực khác.
- **Đảm bảo ngôn ngữ phải rõ ràng** – tốt nhất là những người đi điều tra phải nói được ngôn ngữ thích hợp của địa phương hoặc nếu phải đi cùng với phiên dịch (phiên dịch tiếng dân tộc, tiếng nước ngoài) thì phải lựa chọn người phiên dịch đáng có đáng tin cậy.
- **Chuẩn bị thực tiễn cho mỗi phương pháp, chẳng hạn như những yếu tố vật chất cần thiết** - đảm bảo tổ chức tốt các yếu tố vật chất, bao gồm hỗ trợ một cách đầy đủ các công cụ đo lường và ghi chép (văn phòng phẩm, các mẫu điều tra, các biểu đồ...)

Đảm bảo độ tin cậy của thông tin

5.3 Kiểm tra dữ liệu

Điều quan trọng là phải thường xuyên kiểm tra và xác nhận dữ liệu. Kiểm tra thường xuyên để thấy rằng dữ liệu là có ý nghĩa nhằm đảm bảo quá trình thực hiện được theo dõi với những thông tin chính xác. Dữ liệu định lượng thường dễ kiểm tra hơn so với dữ liệu định tính. Duy trì quá trình kiểm chứng bằng cách kiểm tra vào những thời điểm quan trọng:

- Ở giai đoạn đầu của quá trình thực hiện - khi sử dụng các tập dữ liệu sẵn có, phải xem dữ liệu này đến từ đâu, ai thu thập thông tin và phương pháp thu thập thông tin;
- Khi sử dụng phương pháp mới;
- Khi các mục tiêu và dữ liệu phù hợp với nhau một cách hoàn hảo;
- Khi làm việc với các nhân viên điều tra mới, những đối tác thực hiện mới, những nhân viên mới, vv.

5.4 Tổng hợp

Tổng hợp dữ liệu là cần thiết khi:

- Dữ liệu được gán thang điểm từ đơn vị phân tích nhỏ đến đơn vị phân tích lớn hơn - ví dụ, tập hợp tất cả các phỏng vấn cá nhân thành một cái nhìn tổng quát hoặc tổng hợp các thông tin cấp làng nâng lên thành phân tích cấp xã, huyện.
- Dữ liệu được thu thập từ các nguồn khác nhau bằng các phương pháp khác nhau, đặt nền tảng cho việc thực hiện các so sánh và tìm ra các dạng mới trong khi phân tích.

Tổng hợp dữ liệu đòi hỏi phải có cách thức thích hợp. Cơ sở dữ liệu của máy tính hoặc các chương trình thống kê phù hợp với một số phương pháp, đặc biệt là với các dữ liệu định lượng. Những chương trình này có thể chuyển dữ liệu thành các bảng có tên gọi rõ ràng. Các bảng này sẽ hợp nhất những phát hiện mới theo câu hỏi thực hiện. Ví dụ, nếu hoạt động TD&ĐG đang cố gắng hiểu được những tác động khác nhau như thế nào giữa các cộng đồng hoặc các huyện thì phải chỉ ra được những xu hướng cụ thể cho từng vùng.

5.5 Phân tích dữ liệu

Phân tích dữ liệu định lượng

Đa số các hệ thống TD&ĐG đều phân tích dữ liệu định lượng nhiều hơn là phân tích dữ liệu định tính. Phân tích dữ liệu định lượng thường liên quan đến các tính toán như, tổng số và các giá trị trung bình của các hoạt động được thực hiện, hoặc tỷ lệ phần trăm so với kế hoạch hoặc mục tiêu. Phân bố tần suất và phân tích hồi quy đôi khi cũng giúp cho việc diễn giải các dữ liệu. Đôi khi cần phải có những phân tích phức tạp hơn, ví dụ như phân tích chi phí - lợi ích.

Phân tích dữ liệu định tính

Phân tích dữ liệu định tính khác và khó hơn rất nhiều so với phân tích dữ liệu định lượng, đặc biệt là đối với những người không quen giải quyết các ý kiến, quan điểm, nhận thức của các cơ quan tham gia và các câu trả lời không chuẩn tắc. Bằng việc phân tích nội dung của thông tin được thu thập, có thể rút ra kết luận từ mỗi câu hỏi thực hiện hoặc mỗi chỉ số. Quá trình phân tích liên quan đến việc xác định các loại câu trả lời tìm được trong dữ liệu thô.

- **Đề những người thu thập dữ liệu tham gia vào phân tích** - tất cả những người thu thập dữ liệu và những người điều phối phải tham gia vào các công đoạn phân tích dữ liệu. Một điều đặc biệt quan trọng đó là những người có mặt khi thông tin được thu thập cũng phải tham gia vào phân tích. Những người điều phối quan sát được rất nhiều trong các cuộc thảo luận mở và có thể giúp diễn giải dữ liệu khi phân tích.
- **Đồng thời thu thập và phân tích dữ liệu định tính** - việc thu thập dữ liệu định tính được thiết kế để tạo ra một quá trình học hỏi liên tục. Phân tích một tập dữ liệu phỏng vấn có thể chỉ ra những thay đổi cần thiết cho các cuộc phỏng vấn và thảo luận sau. Lý do thứ hai của việc phân tích ngay lập tức những thông tin đó là không thể ghi chép hết tất cả mọi thứ được nói đến trong các cuộc thảo luận mở. Điều đặc biệt quan trọng là phải phân tích càng sớm càng tốt để có thể nhớ được các khía cạnh không được ghi chép.

- **Phân tích cơ cấu xung quanh từng câu hỏi thực hiện và mỗi nhóm người được phỏng vấn** - ví dụ, nếu như các cuộc phỏng vấn được tiến hành với những người đứng đầu nông dân và người đứng đầu các làng cùng một ngày, thì hai tập hợp dữ liệu này phải được phân tích một cách độc lập.

Sau đây là năm bước được sử dụng trong phân tích dữ liệu định tính có được từ các cuộc phỏng vấn và điều tra:

- Đọc lại các câu hỏi phỏng vấn cho cả nhóm. Điều này cho phép mọi người nhớ trọng tâm của công việc TD&DG.
- Người ghi chép sẽ đọc to các trả lời cho từng câu hỏi. Nếu có nhiều hơn một tập ghi chép thì sẽ đọc từng tập một.
- Thảo luận về các câu trả lời và chia sẻ các bình luận khác chưa được viết ra, để làm rõ điều mà người được phỏng vấn đã nói.
- Phân nhóm các câu trả lời và tóm tắt các phát hiện mới. Đồng thời, phân nhóm các câu trả lời từ những thông tin thu thập được và tóm tắt một cách chính xác các phát hiện mới. Bản tóm tắt phải chỉ ra được các chiều hướng của thông tin dưới dạng: các thái độ hoặc các ý kiến được biểu đạt có được chia sẻ bởi đa số, thiểu số hay chỉ có một số ít người được phỏng vấn. Mặc dù không thể lượng hoá được tất cả các dạng trả lời khác nhau, nhưng có thể nêu ra xu hướng.
- Xác định những thông tin không rõ ràng hoặc còn thiếu. Xác định xem thông tin có bị thiếu hoặc không rõ ràng cần được tiếp tục điều tra bởi hoạt động TD&DG tiếp theo không.

6 CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH THEO DÕI ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ KINH NGHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1 Đánh giá như thế nào để hướng tới kết quả

Bốn bước chính trong đánh giá

Đánh giá có thể được thực hiện theo quy trình trong Bảng 10 dưới đây.

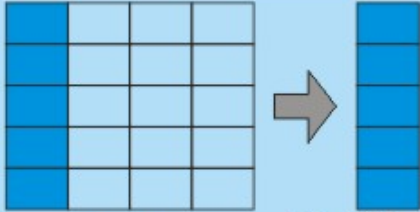
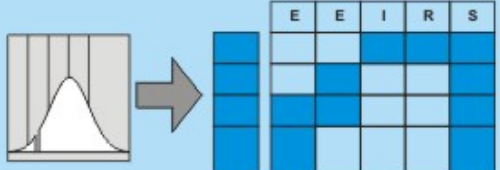
Bước 1 – Lập khung logic đánh giá

Kiểm tra lại những thay đổi so với thiết kế

Trước khi lập khung logic đánh giá, nhóm đánh giá nên xem xét quá trình thực hiện để xác định những thay đổi đối với khung logic ban đầu được đưa ra trong giai đoạn chuẩn bị và thẩm định chương trình/ dự án ODA.

Cụ thể, chú ý đến những đầu ra và kết quả bổ sung hoặc được thay đổi có thể được đưa ra để đáp ứng mục đích và mục tiêu ban đầu của chương trình/ dự án ODA. Các chỉ số và các giả định kèm theo những đầu ra và kết quả bổ sung hoặc được thay đổi này có thể sẽ hữu ích cho công tác đánh giá.

Bảng 10 : Bốn bước chính trong đánh giá

Quy trình và nội dung	Phương pháp thu thập dữ liệu
Bước 1 Lập khung logic đánh giá 1-1 Kiểm tra lại những thay đổi so với thiết kế 1-2 Lập khung logic đánh giá 1-3 Lập tóm tắt tổng quan cho đánh giá	Thu thập và phân tích các báo cáo, các tài liệu tham khảo cũng như các phỏng vấn được thực hiện với các cán bộ BQLDA và những người khác có liên quan đến quá trình thực hiện.  Khung logic đánh giá Tóm tắt tổng quan cho đánh giá
Bước 2 Kế hoạch đánh giá 2-1 Đặt ra các câu hỏi đánh giá 2-2 Lựa chọn các chỉ số đánh giá khách quan 2-3 Lựa chọn phương pháp thu thập dữ liệu 2-4 Hoàn thành thiết kế đánh giá	Sự hợp tác giữa Chính phủ và các nhà tài trợ, các bên liên quan để thảo luận và phối hợp thiết kế đánh giá  5 tiêu chí đánh giá Chỉ số Câu hỏi đánh giá Công cụ thu dữ liệu ✓ Đơn giản ✓ Đo lường được ✓ Tính cấu thành ✓ Phù hợp ✓ Kịp thời
Bước 3 Thu thập và phân tích dữ liệu 3-1 Đi thực tế để đo lường các chỉ số và trả lời các câu hỏi 3-2 Tổng hợp và phân tích dữ liệu 3-3 Sắp xếp các kết quả theo các tiêu chí đánh giá được sử dụng 3-4 Trình bày thông tin cho công tác báo cáo	Phỏng vấn các đối tượng thụ hưởng, quan sát và đo lường thực tế, sử dụng bảng hỏi hoặc các cuộc điều tra, xem xét tài liệu và sau đó phân tích dữ liệu  Tập hợp các phát hiện Các kết quả phân tích cho các tiêu chí đánh giá
Bước 4 Kết luận đánh giá 4-1 Diễn giải dữ liệu đã được phân tích và đưa ra kết luận 4-2 Rút ra các bài học kinh nghiệm 4-3 Khuyến nghị 4-4 Trình bày các kết quả đánh giá 4-5 Chuẩn bị sử dụng các kết quả cho hoạt động quản lý	Diễn giải dữ liệu đã được phân tích và đưa ra những kết luận phục vụ cho hoạt động quản lý  Kết luận đánh giá Kết quả đánh giá theo 5 tiêu chí đánh giá ✓ Kết luận chung ✓ Tổng quan về dự án ✓ Mục đích đánh giá ✓ Công cụ và yếu tố ✓ Bài học kinh nghiệm ✓ Khuyến nghị ✓ Sử dụng cho công tác quản lý

Trích từ: FASID (2000) TD&DG dựa trên phương pháp quản lý chu trình dự án. Nền tảng cho các nghiên cứu tiên tiến về phát triển quốc tế, Tokyo, Nhật Bản

Lập khung logic đánh giá

Một khung logic do nhóm đánh giá lập ra nhằm mục đích đánh giá được gọi là khung logic đánh giá. Nhóm đánh giá cần bảo đảm rằng khung logic soạn ra là để cho đánh giá:

- **Cho phép đo lường một cách khách quan** – làm rõ các thuật ngữ mơ hồ như: “cơ sở hạ tầng đi vào hoạt động” hay “góp phần tăng cường năng lực” để chúng trở thành các kết luận có thể đo lường bằng các chỉ số kiểm chứng khách quan.
- **Phản ánh những thay đổi theo thời gian** – trong quá trình thực hiện, khung logic ban đầu có thể phải được sửa lại để phản ánh những điều kiện thay đổi. Cụ thể là có thể phải đưa ra những đầu ra và kết quả bổ sung hoặc được thay đổi để đáp ứng mục đích và mục tiêu ban đầu của chương trình/ dự án ODA. Khung logic đánh giá phải bao gồm các chỉ số và các giả định xuất hiện trong quá trình thực hiện chương trình/ dự án.
- **Độc lập với người lập kế hoạch và người thực hiện** – khung logic đánh giá phải độc lập với người lập kế hoạch và người thực hiện đầu tư. Nhóm đánh giá phải kiểm soát khung logic đánh giá cuối cùng và sử dụng nó để cải tiến kế hoạch đánh giá nếu cần thiết nhằm đảm bảo các nguyên tắc đánh giá được tôn trọng.

Sử dụng các bước được nêu ra trong Bảng 11 để chuẩn bị khung logic đánh giá.

Bảng 11 : Các bước chuẩn bị khung logic đánh giá

1. Xem xét lại các khung logic hiện có đối với chương trình / dự án ODA
2. Xác định các nguyên nhân thay đổi thông qua quá trình thực hiện
3. Xác định các yếu tố rõ ràng cần thiết cho khung logic đánh giá (đầu vào, hoạt động, đầu ra, kết quả, mục đích, mục tiêu, chỉ số, phương tiện và nguồn kiểm chứng và giả định).
4. Làm rõ các yếu tố mơ hồ nhưng cần thiết cho khung logic đánh giá để chúng có thể đo lường được và có thể phản ánh được mục đích và mục tiêu ban đầu.
5. So sánh mỗi dạng khung logic và sử dụng chúng để lập khung logic đánh giá bằng cách xem xét:
 - Tóm lược cho từng yếu tố của khung logic có thực tế hay không?
 - Các đầu ra, kết quả và mục đích có phản ánh được thấp mục tiêu hay không hay chúng đơn giản chỉ là sự lặp lại của nhau?
 - Các diễn đạt được sử dụng có rõ ràng và có thể đo lường được hay không (tìm ra những diễn đạt không rõ ràng như: “góp phần” hay “đóng một vai trò trong”)
 - Các chỉ số có rõ ràng và có thể đánh giá khách quan hay không?
 - Các giả định quan trọng có được nêu một cách rõ ràng hay không?

Chuẩn bị tóm tắt tổng quan cho công tác đánh giá

Tóm tắt tổng quan phục vụ đánh giá được sử dụng để xây dựng các câu hỏi đánh giá theo 5 tiêu chí đánh giá. Nó được xây dựng bằng cách tạo ra một bảng riêng hoặc một tập hợp các kết luận trong đó miêu tả một cách rõ ràng:

- Mục tiêu
- Mục đích
- Kết quả
- Đầu ra
- Hoạt động

- Đầu vào

Bản tóm lược này sẽ hình thành nên một phần báo cáo đánh giá và sẽ cung cấp một khung rõ ràng để thông báo về thiết kế, thực hiện và phân tích đánh giá.

Bước 2 – Lập kế hoạch đánh giá

Mỗi đánh giá phải được lập kế hoạch và điều khoản tham chiếu phải được lập cho bất kỳ hỗ trợ tư vấn nào do đó có thể:

- Xác định mục đích và phạm vi của đánh giá, bao gồm việc xác định các đối tượng sẽ sử dụng các phát hiện đánh giá;
- Mô tả các phương pháp sẽ được sử dụng trong đánh giá;
- Xác định các tiêu chuẩn để đánh giá mức độ thực hiện;
- Xác định các nguồn lực và thời gian cần thiết để hoàn thành đánh giá.

Kế hoạch đánh giá là thiết yếu và phải do cơ quan tài trợ (Chính phủ, các bộ ngành, các nhà tài trợ...) lập ra trong đó mô tả rõ ràng các bước phải tuân thủ khi thực hiện đánh giá. Bảng 12 liệt kê những nội dung của một kế hoạch đánh giá điển hình.

Bảng 12 : Nội dung của một kế hoạch đánh giá

Kế hoạch đánh giá
• Mục đích • Xem xét và mô tả chi tiết hoạt động sẽ được đánh giá • Điều khoản tham chiếu cho nhóm đánh giá hoặc cán bộ đánh giá • Thiết kế đánh giá • Hoạt động được đo lường • Các câu hỏi hay “các vấn đề” • Thông tin hoặc các chỉ số cần thiết để định hướng các kết luận hoặc khuyến nghị • Các phương pháp và các kỹ thuật được sử dụng • Cấu trúc báo cáo • Kế hoạch trao đổi truyền thông • Cơ chế phản hồi • Sử dụng các kết quả cho công tác quản lý

phát hiện đánh giá. Ví dụ, mục đích của một đánh giá có thể là “Cung cấp thông tin để nâng cao năng lực quản lý hệ thống thủy nông”.

Các điều khoản tham chiếu cho công tác đánh giá hình thành nên một phần kế hoạch đánh giá và phải bao gồm:

- Bối cảnh hay khuôn khổ của chương trình/ dự án ODA sẽ được đánh giá
- Mục đích đánh giá
- Đánh giá cái gì?
- Không đánh giá cái gì?
- Phạm vi đánh giá
- Chỉ số về mức độ đạt được
- Phương pháp và công cụ đánh giá

- Ai sẽ tham gia?
- Ai sẽ thực hiện đánh giá?
- Kỹ năng, kiến thức, trình độ chuyên môn cần thiết của nhóm đánh giá, cán bộ đánh giá
- Khi nào thì việc đánh giá sẽ được thực hiện và thời hạn của nó
- Dự toán ngân sách
- Điều khoản thanh toán
- Yêu cầu về báo cáo
- Sử dụng kết quả

6.2 Kế hoạch đánh giá

Kế hoạch đánh giá chỉ ra nhóm đánh giá sẽ đo lường cái gì và đo lường như thế nào. Thông thường kế hoạch đánh giá bao gồm mục đích và đối tượng tiếp nhận đánh giá, các câu hỏi đánh giá, các chỉ số đánh giá được sử dụng để đo lường các kết quả, các phương pháp thu thập dữ liệu, kế hoạch hoạt động và các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ.

Kế hoạch đánh giá phải xác định rõ cái gì sẽ được đánh giá, ví dụ như một dự án, một tổ chức, một ngành hay một chương trình. Kế hoạch sẽ bao gồm các thông tin như bối cảnh, mục tiêu, các hoạt động cụ thể, các chi phí, các tác động và ảnh hưởng mong đợi.

- Đánh giá phải được thiết kế để loại bỏ hoặc giảm bớt những giải thích khác nhau về sự thay đổi đo được trong quá trình đánh giá một đầu tư ODA. Việc thiết kế là rất quan trọng đối với kế hoạch đánh giá với mong muốn xác định kết quả hoặc tác động của đầu tư. Thiết kế đánh giá cũng phải xem xét đến chiến lược đo lường và phải trả lời các câu hỏi sau:
- Chúng ta muốn biết điều gì?
- Chúng ta sẽ biết về điều đó như thế nào?
- Chúng ta cần dữ liệu gì?

Chuẩn bị câu hỏi đánh giá

Các câu hỏi đánh giá phải được xây dựng từ khung logic đánh giá và các tiêu chí được lựa chọn để đánh giá (một hoặc nhiều tiêu chí như hiệu suất, hiệu quả, tác động, tính phù hợp và tính bền vững). Nếu được xác định đúng đắn, các câu hỏi đánh giá sẽ tạo ra một khuôn khổ tiến hành đánh giá dễ sử dụng và tạo cơ sở cho các kết luận và các khuyến nghị rõ ràng. Đa số các đánh giá chương trình/ dự án ODA sẽ tập trung vào ba nhóm câu hỏi đánh giá cơ bản:

- **Hiệu quả** – mục đích và các kết quả có được xác định một cách rõ ràng không, và các thỏa thuận ODA, các kế hoạch hoạt động và những sắp xếp để có được dữ liệu cơ sở liên quan đã được thiết lập hay chưa? Xem xét mức độ đạt được hoặc có thể đạt được mục đích và các kết quả ban đầu. Những nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến việc đạt được hay không đạt được mục đích và các kết quả?
- **Tác động và bền vững** – đầu tư ODA đã tạo ra những kết quả gì? Câu hỏi này không chỉ xem xét các đầu ra trực tiếp mà quan trọng hơn là xem xét đến những tác động và những ảnh hưởng cơ bản đến các chỉ số kinh tế, xã hội, môi trường và các

chỉ số phát triển khác do kết quả của hoạt động đầu tư. Đánh giá cũng phải quan tâm đến cả những kết quả mong đợi và không mong đợi, và phải giải thích được tác động tích cực và tác động tiêu cực của các yếu tố bên ngoài, như những thay đổi của môi trường chính sách cơ bản, thay đổi về các điều kiện kinh tế và tài chính chung.

- **Phù hợp** – chương trình/ dự án ODA có ý nghĩa hay không? Mục đích và mục tiêu có hợp lý và có khả năng đạt được hay không? Các kết quả khác đã được xem xét tới hay chưa?

Tuy nhiên, Cẩm nang này sẽ cung cấp các quy trình xây dựng các câu hỏi cho từng tiêu chí đánh giá.

Hiệu suất

Nếu như mục đích đánh giá là đánh giá hiệu suất của việc thực hiện thì các câu hỏi cần phải được đặt ra để hỏi về năng suất của quá trình thực hiện. Điều này đặc biệt tập trung vào đầu vào và đầu ra của khung logic đánh giá. Khuôn khổ chung của một quy trình đánh giá hiệu suất được nêu trong Bảng 13. Các câu hỏi liên quan bao gồm:

- Đầu vào (thiết bị, nguyên vật liệu, nhân lực, ngân sách) có hoàn toàn được sử dụng cho mục đích dự kiến hay không?
- Có đầu vào nào không được sử dụng hay không?
- Có đầu vào nào được sử dụng mà không góp phần tạo ra đầu ra hay không?
- Có thể đạt được cùng mức đầu ra với các đầu vào ít hơn hay không?
- Tăng thêm đầu vào thì đầu ra tăng thêm ở mức độ nào?

Bảng 13 : Quy trình đánh giá hiệu suất

Quy trình đánh giá hiệu suất	
1.	Đo lường mức độ đạt được các đầu ra. Đặt câu hỏi về mức độ đạt được các đầu ra sử dụng các chỉ số kiểm chứng khách quan.
2.	Xác định các đầu vào Xác định các nguồn lực được Chính phủ và các nhà tài trợ cung cấp để thực hiện (bao gồm trang thiết bị, nguyên vật liệu, nhân lực, ngân sách)
3.	Đặt câu hỏi về cách thức sử dụng đầu vào Tập trung vào một số đầu vào chính như: thiết bị, vật liệu xây dựng và nhân lực. Đặt câu hỏi liệu các đầu vào có được sử dụng theo cách góp phần đạt được các đầu ra hay không. Đặt câu hỏi có thể đạt được cùng mức đầu ra với các đầu vào ít hơn hoặc chất lượng đầu vào khác đi hay không.
4.	Xem xét các nguyên nhân gây kém hiệu suất Xem xét các nguyên nhân của việc sử dụng không hiệu quả các đầu vào. Đặt câu hỏi liệu có sự chậm trễ trong việc huy động không và tìm ra nguyên nhân. Đặt câu hỏi chất lượng đầu vào có bị kém hay số lượng đầu vào có bị thiếu hay không. Xem xét xem có vấn đề gì về quản lý hay vận hành hay không để rút ra các bài học kinh nghiệm cho tương lai.

Trích từ: FASID (2000) TD&DG dựa trên phương pháp quản lý chu trình dự án. Nền tảng cho các nghiên cứu tiên tiến về phát triển quốc tế, Tokyo, Nhật Bản

Hiệu quả

Nếu như mục đích đánh giá là đánh giá hiệu quả của việc thực hiện thì các câu hỏi cần được đưa ra để hỏi về mức độ đạt được mục đích và các kết quả thông qua các đầu ra. Đánh giá này đặc biệt tập trung vào kết quả, đầu ra và mục đích của khung logic đánh giá. Khuôn khổ chung được trình bày trong quy trình đánh giá hiệu quả được nêu ra trong Bảng 14. Các câu hỏi liên quan bao gồm:

- Đầu ra có dẫn tới kết quả mong đợi và có giúp đạt được mục đích hay không?
- Kết quả đo được có thể đạt được khi không có chương trình/ dự án ODA hay không?
- Kết quả đo được có thể đạt được với đầu ra khác nhau hay không?
- Đối tượng thụ hưởng nhận thức như thế nào về thay đổi là kết quả của đầu ra?

Bảng 14 : Quy trình đánh giá hiệu quả

Quy trình đánh giá hiệu quả	
1.	Xác định khi nào chỉ số kiểm chứng khách quan chỉ nhằm mục đích chỉ phản ánh hệ quả của đầu ra. Đặt câu hỏi về mức độ đầu ra đã tạo ra kết quả và do đó giúp đạt được mục đích đầu tư.
2.	Xây dựng các câu hỏi để thiết lập mối quan hệ giữa đầu ra và kết quả Đặt câu hỏi xem liệu một đầu ra cụ thể có thể dẫn đến một kết quả cụ thể và mục đích hay không. Kiểm tra mối quan hệ nhân quả giữa đầu ra đo lường được và kết quả xác định được.
3.	Điều tra các giả định về kết quả và mục đích Kiểm tra các giả định trong khung logic đánh giá có liên quan đến mối quan hệ giữa đầu ra và kết quả, giữa kết quả và mục đích. Đặt câu hỏi liệu những giả định cần thiết để đảm bảo đầu ra dẫn tới kết quả có đúng không. Thử các giả định liên quan đến việc đạt được mục đích. Đặt câu hỏi liệu kết quả có thể đạt được nếu không có đầu tư hay không. Hỏi xem liệu các đầu ra khác nhau có thể dẫn tới cùng một kết quả hay không.

Trích từ: FASID (2000) TD&DG dựa trên phương pháp quản lý chu trình dự án. Nền tảng cho các nghiên cứu tiên tiến về phát triển quốc tế, Tokyo, Nhật Bản

Tác động

Nếu như mục đích đánh giá là đánh giá tác động của việc thực hiện thì cần nêu các câu hỏi về những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của việc thực hiện, dù trực tiếp hay gián tiếp. Đánh giá này bao gồm các câu hỏi về những ảnh hưởng không được dự đoán tại thời điểm chuẩn bị chương trình/ dự án. Đánh giá này đặc biệt tập trung vào khâu mục đích và mục tiêu của khung logic đánh giá. Khuôn khổ cho việc đánh giá tác động được trình bày trong Bảng 15. Các câu hỏi liên quan bao gồm:

- Mức độ đã đạt được của mục tiêu tổng thể
- Mức độ mong đợi đạt được của mục tiêu tổng thể
- Chương trình/ dự án ODA có những ảnh hưởng tích cực gì?
- Chương trình/ dự án ODA có những ảnh hưởng tiêu cực gì?
- Việc thực hiện chương trình/ dự án ODA có những ảnh hưởng gì tới các khu vực lân cận ngoài khu vực đầu tư trong kế hoạch?
- Hoạt động đầu tư đã tạo ra những thay đổi gì trong cuộc sống của đối tượng thụ hưởng mục tiêu?

- Đối tượng thụ hưởng nhận thức như thế nào về các kết quả?
- Hoạt động đầu tư đã tạo ra thay đổi gì trong các vấn đề chung?

Bảng 15 : Công cụ đánh giá tác động

Tác động	Mong đợi	Không mong đợi
Tích cực (+) Mong muốn Tiêu cực (-) Không mong muốn	Bao gồm mức độ đạt được của mục tiêu tổng thể	

Trích từ: FASID (2000) TD&ĐG dựa trên phương pháp quản lý chu trình dự án. Nền tảng cho các nghiên cứu tiên tiến về phát triển quốc tế, Tokyo, Nhật Bản

Đánh giá tác động thường đòi hỏi việc đánh giá các vấn đề liên quan, được nêu ra trong Bảng 16. Khi cần thiết, chúng có thể được đánh giá với các câu hỏi đánh giá cụ thể và các chỉ số đánh giá khách quan được thiết kế một cách thích hợp.

Bảng 16 : Các vấn đề chung và những tác động

Vấn đề chung	Mô tả
Chính sách	Những ảnh hưởng đến chính sách ở cấp địa phương, cấp tỉnh và cấp quốc gia
Công nghệ	Đổi mới công nghệ, không quan tâm tới công nghệ truyền thống
Môi trường	Ô nhiễm, tính bền vững dài hạn, bảo vệ môi trường
Các nhóm dễ bị tổn thương trong xã hội	Những thay đổi về vị trí của người phụ nữ, tôn trọng quyền con người, khoảng cách giàu nghèo, khả năng tiếp cận các nguồn lực của những người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương khác
Thể chế	Những ảnh hưởng đến các tổ chức và các nhóm có liên quan, thay đổi về các quy định và pháp luật
Kinh tế và tài chính	Ảnh hưởng về mặt kinh tế đến những người tham gia, các tổ chức và cộng đồng có liên quan

Trích từ: FASID (2000) TD&ĐG dựa trên phương pháp quản lý chu trình dự án. Nền tảng cho các nghiên cứu tiên tiến về phát triển quốc tế, Tokyo, Nhật Bản

Phù hợp

Nếu như mục đích của đánh giá là xem xét tính phù hợp thì cần đưa ra các câu hỏi về mục đích và mục tiêu của chương trình/ dự án ODA có liên quan như thế nào với các mục tiêu chiến lược quốc gia. Điều này cho thấy rằng thông thường sẽ có một khoảng thời gian dài từ khi bắt đầu chuẩn bị cho đến khi kết thúc thực hiện một chương trình/ dự án ODA. Trong khoảng thời gian đó, rất nhiều yếu tố bên ngoài có thể làm thay đổi ý nghĩa của mục đích và mục tiêu tổng thể cũng như tính phù hợp của chúng đối với các mục tiêu chiến lược quốc gia.

Ví dụ, đánh giá tính phù hợp có thể bao gồm việc xác định mối liên hệ với Kế hoạch Phát triển 5 năm hoặc Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội 10 năm. Việc đánh giá này đặc biệt tập trung vào khâu mục đích và mục tiêu của khung logic đánh giá. Các câu hỏi liên quan bao gồm:

- Mục đích và mục tiêu của chương trình/ dự án ODA có thống nhất với chính sách và mục tiêu chiến lược của Việt Nam hay không?
- Mục đích và mục tiêu của chương trình/ dự án ODA có thống nhất với mục tiêu chiến lược của nhà tài trợ hay không?
- Các yếu tố bên ngoài như khí hậu, các điều kiện kinh tế, nhu cầu của cộng đồng có làm thay đổi sự phù hợp của chương trình/ dự án ODA hay không?
- Mục đích và các kết quả có thích hợp với Kế hoạch Phát triển 5 năm và Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội 10 năm của Việt Nam hay không?
- Các vấn đề chung và các vấn đề mới phát sinh như cải tổ thị trường, phân quyền, sự xuống cấp của môi trường và các thay đổi về mặt xã hội có làm thay đổi sự phù hợp của mục đích và mục tiêu hay không?

Bền vững

Nếu như mục đích đánh giá là kiểm tra tính bền vững thì cần đưa ra các câu hỏi là liệu những thay đổi do việc thực hiện đầu tư có tiếp tục sau khi kết thúc dự án hay không. Đánh giá tính bền vững sẽ tập trung vào khả năng tự lực và vào tất cả các khâu của khung logic đánh giá. Các câu hỏi liên quan bao gồm:

- Có cần Chính phủ hỗ trợ các tổ chức và các hệ thống để duy trì các hoạt động, duy trì cung ứng các đầu ra và kết quả trong tương lai hay không?
- Có cần cộng đồng hỗ trợ các hệ thống và thể chế ở địa phương để duy trì các hoạt động, duy trì cung cấp đầu ra và kết quả trong tương lai hay không?
- Các tổ chức và các nhóm tham gia có thể hoạt động, duy trì và nhân rộng các công nghệ cần thiết hay không?
- Những thay đổi về môi trường do việc thực hiện dự án có tác động như thế nào tới những bên tham gia?
- Môi trường sẽ bị tác động như thế nào do việc tiếp tục thực hiện hoạt động mới và sử dụng công nghệ mới?
- Các nhóm dễ bị tổn thương sẽ chịu tác động như thế nào do việc tiếp tục thực hiện hoạt động mới và sử dụng công nghệ mới?

- Ngân sách của Chính phủ có thay đổi như thế nào để duy trì các nguồn nhân lực, tài chính và các nguồn lực khác cần thiết để tiếp tục thực hiện hoạt động mới và sử dụng công nghệ mới?
- Ngân quỹ của các hộ gia đình tham gia thay đổi như thế nào để duy trì các nguồn nhân lực, tài chính và các nguồn lực khác cần thiết để tiếp tục thực hiện hoạt động mới và sử dụng công nghệ mới?
- Những bên tham gia có thể tiếp quản việc kiểm soát tài chính và điều hành các hoạt động để họ tiếp tục một cách độc lập với các nguồn lực của Chính phủ hay không?

Bền vững là một vấn đề có ý nghĩa chỉ sau khi hoàn thành chương trình/ dự án, vì vậy cần phải cẩn thận trong việc đánh giá tính bền vững trong quá trình thực hiện và ngay sau khi kết thúc chương trình/ dự án. Nếu thực hiện đánh giá giữa kỳ thì cần phải đánh giá về tính bền vững dựa trên các bài học kinh nghiệm được rút ra từ các chương trình/ dự án ODA khác đã hoàn thành. Nếu như tiến hành đánh giá kết thúc thì cần phải đánh giá về tính bền vững dựa trên quá trình thực hiện và các bài học kinh nghiệm từ các chương trình/ dự án đã hoàn thành khác. Trong đánh giá tác động được thực hiện một vài năm sau khi hoàn thành chương trình/ dự án, thì có thể đo lường tính bền vững thực tế. Các bài học kinh nghiệm được rút ra từ việc phân tích chi tiết một chuỗi các sự kiện diễn ra trong quá trình thực hiện và sau khi hoàn thành chương trình/ dự án là rất quan trọng để sử dụng trong việc quản lý các chương trình/ dự án đầu tư đang diễn ra và đang mới được lập kế hoạch.

6.2 Lựa chọn các phương pháp thu thập dữ liệu

Kế hoạch đánh giá cũng sẽ phải xác định các phương pháp và các kỹ thuật được sử dụng để đo lường các chỉ số đã lựa chọn và trả lời các câu hỏi đánh giá. Trong đa số các trường hợp thì đánh giá sẽ phối hợp giữa các phương pháp định tính và các phương pháp định lượng. Có rất nhiều các phương pháp khác nhau có thể sử dụng cho đánh giá. Hướng dẫn của IFAD đưa ra danh sách đầy đủ và mô tả về các phương pháp hữu ích cho hoạt động đánh giá. Các phương pháp này có thể được phân thành 7 nhóm. Ưu điểm và nhược điểm của từng nhóm phương pháp được tóm tắt trong Bảng 20.

Bảng 20 : Ưu điểm và nhược điểm của các phương pháp đánh giá được lựa chọn

Phương pháp	Ưu điểm	Nhược điểm
Nghiên cứu tài liệu	Hiệu quả và hiệu suất về mặt chi phí	Khó xác định độ tin cậy của thông tin trong các tài liệu
Đo lường lý-sinh	Cung cấp dữ liệu chính xác và đáng tin cậy ở mức chi phí tương đối thấp	Chỉ đưa ra các sự kiện, không giải thích
Bảng hỏi và điều tra	Cung cấp thông tin định lượng và đáng tin cậy	Chi phí cao
Nghiên cứu tình huống	Cung cấp thông tin chi tiết và độc lập	Khó tổng quát hoá cho toàn bộ chương trình / dự án đầu tư ODA
Quan sát trực tiếp	Ít cần sự chuẩn bị - đặc biệt phù hợp với các nghiên cứu ban đầu hoặc đánh giá giữa kỳ	Kết quả có thể khác nhau rất nhiều phụ thuộc vào người quan sát
Phòng vấn bán cấu trúc	Chi phí thấp và dễ thực hiện. Cung cấp được những thông tin hữu ích và đôi khi chỉ ra được các kết quả không mong đợi. Cung cấp dữ liệu chứa nhiều thông tin, giúp giải thích tại sao những tác động hoặc tính hiệu quả xuất hiện.	Có sai số do quan điểm của người tiến hành phỏng vấn và người tham gia. Dữ liệu khó lượng hóa và phân tích.
Nhóm trọng tâm	Thông tin tiềm ẩn có thể thu được từ thái độ và phản ứng của người tham gia	Có nguy cơ rút ra kết luận sai lệch do cách lựa chọn người tham gia.

6.3 Hoàn thành thiết kế đánh giá

Trong quá trình lập kế hoạch đánh giá, cấu trúc phác thảo của một báo cáo đánh giá phải được xây dựng và đưa vào trong kế hoạch và các điều khoản tham chiếu cho các nhà tư vấn. Bảng 24 trình bày một ví dụ về bảng các nội dung của một báo cáo đánh giá điển hình. Trong khi xây dựng cấu trúc của báo cáo, điều quan trọng là phải xem xét đối tượng dự kiến sẽ nhận báo cáo là ai, ai là người kiểm soát và có thẩm quyền cuối cùng đối với báo cáo, các quan điểm không chính thống được quản lý như thế nào và nội dung của báo cáo là gì. Ở mức độ tối thiểu, một báo cáo đánh giá bao gồm:

- Mô tả ngắn gọn về bối cảnh, và giới thiệu mục đích đánh giá
- Cơ sở và phương pháp luận đánh giá
- Các câu hỏi điều tra (câu hỏi nghiên cứu)
- Mô tả về nhóm đánh giá, cơ sở lựa chọn nhóm đánh giá
- Trình bày kết quả, bao gồm: dữ liệu, quá trình phân tích và các phát hiện
- Thảo luận và các kết luận
- Bảng việc cung cấp các bằng chứng, khuyến nghị việc sử dụng kết quả đánh giá cho hoạt động quản lý.

Bước 3 – Thu thập và phân tích dữ liệu

Phần lớn các đánh giá đều được đưa ra đấu thầu giữa các nhà cung cấp dịch vụ (các cán bộ đánh giá độc lập hoặc các nhóm cán bộ đánh giá). Do các cán bộ đánh giá không phải lúc nào cũng có thể lập một kế hoạch đánh giá hoạt động đầy đủ trong khi đấu thầu cho nên cần phải có giai đoạn khởi đầu cho bước thu thập và phân tích dữ liệu.

6.4 Tiến hành thực địa để đo lường các chỉ số và trả lời các câu hỏi

Tất cả các cơ quan tham gia trong việc thực hiện đánh giá nên tham gia từ giai đoạn lập kế hoạch và phải hiểu một cách rõ ràng về cách thức thực hiện đánh giá, ai thực hiện cái gì, cái gì sẽ được tạo ra và khi nào phải tiến hành.

Nhóm đánh giá sẽ phải đi thực địa với những bên tham gia đầu tư và các cơ quan tham gia, trong đó có các nhà tài trợ, cơ quan Chính phủ và các nhóm lân cận.

Cách thức tiến hành thực địa phụ thuộc vào kế hoạch và các phương pháp đánh giá được. Nhìn chung người chịu trách nhiệm quản lý nhóm đánh giá sẽ phải thực hiện vai trò môi giới trong giai đoạn này, bao gồm việc cung cấp các tài liệu nền và thư giới thiệu, sắp xếp các chuyến đi thực tế và hẹn trước các buổi phỏng vấn với những bên tham gia và các cơ quan tham gia chính tới quá trình thực hiện đầu tư.

Ngoài việc tiến hành phỏng vấn và điều phối, những người đi thực địa cần phải thành thạo việc ghi lại các câu trả lời. Việc ghi lại các câu trả lời phụ thuộc vào phương pháp thu thập (ví dụ như: điền vào các mẫu hoặc các bảng để ghi lại các câu trả lời phỏng vấn, sử dụng máy ghi âm, camera, máy quay phim, viết trên các mẫu bìa và các biểu bảng hoặc ghi chép chi tiết).

Có một số điểm cần cân nhắc:

- Đối với mỗi mẫu dữ liệu, xác định xem nó sẽ được ghi lại như thế nào và thực hành với những người thực hiện ghi chép trước khi tiến hành thu thập;
- Thống nhất trong việc ghi chép dữ liệu;
- Xem xét các gợi ý về lưu trữ dữ liệu – nó sẽ được lưu trữ ở đâu và như thế nào?

Việc thiết kế các dạng dữ liệu là rất quan trọng trong việc duy trì tính nhất quán của dữ liệu. Các mẫu phải trình bày rõ ràng các chỉ số đánh giá đã lựa chọn và phải có đủ chỗ trống cho những người thu thập điền dữ liệu vào. Chỗ trống này phải đủ cho:

- Ngày tháng, địa điểm, thời gian, khoảng thời gian phỏng vấn hoặc thảo luận;
- Tên người ghi chép, điều hành cuộc họp;
- Tên của những người tham gia;
- Các chủ đề thảo luận và phương pháp sử dụng;
- Các phát hiện chính – hoặc theo mẫu cho trước, hoặc dưới dạng các từ chìa khóa và mô tả nếu như phương pháp thu thập dữ liệu là mở.

Các dữ liệu phải được thu thập bằng các công cụ này bất kỳ khi nào có thể và sau đó được lưu trữ ở nơi trung tâm và an toàn trong khi đi thực địa.

Tổng hợp và phân tích dữ liệu đánh giá

Khi đã thu thập, dữ liệu cần phải được tổ chức dưới dạng dễ sử dụng để sẵn sàng cho việc phân tích. Việc này liên quan đến việc chuyển dữ liệu thành định dạng có tính hệ thống, nhập dữ liệu thu được từ từng người hoặc từng nhóm và tổ chức chúng theo một cách thức tổng quát.

Tổng hợp

Tổng hợp dữ liệu là cần thiết khi:

- Dữ liệu được suy rộng từ việc phân tích một đơn vị nhỏ cho một đơn vị lớn hơn - ví dụ tổng hợp tất cả các phỏng vấn cá nhân để đưa ra cái nhìn tổng quát, hoặc tập hợp tất cả thông tin cấp xã đến phân tích cấp quận huyện.
- Dữ liệu được thu thập từ các nguồn khác nhau bằng các phương pháp khác nhau, làm cơ sở cho việc so sánh và tìm ra các khuôn mẫu trong quá trình phân tích.

Việc tổng hợp đòi hỏi phải có các biểu mẫu thích hợp. Các công cụ Excel đơn giản được trình bày trong phần bài tập hoặc các chương trình thống kê là phù hợp cho một số phương pháp, đặc biệt là với các dữ liệu định lượng. Các công cụ này có thể chuyển đổi dữ liệu thành các bảng biểu có tên gọi. Các bảng này phải tổng hợp được các phát hiện mới theo các câu hỏi đánh giá. Ví dụ, có thể chỉ ra được xu hướng cụ thể của từng địa phương nếu như việc đánh giá cố gắng tìm hiểu xem tác động khác nhau như thế nào giữa các cộng đồng hay các huyện. Việc đối chiếu các dữ liệu định tính đòi hỏi phải có sự chú ý đặc biệt và các kỹ năng phân tích.

6.5 Phân tích để đưa ra các thông tin đánh giá

Phân tích dữ liệu định lượng

Các đánh giá được thực hiện trước đây sử dụng phân tích dữ liệu định lượng nhiều hơn các thông tin định tính. Phân tích dữ liệu định lượng thường liên quan đến các tính toán như tổng số và số lượng trung bình các hoạt động được thực hiện, hoặc tỷ lệ phần trăm so với kế hoạch hoặc mục tiêu. Các tần suất phân bố và phân tích hồi quy đôi khi có thể giúp giải thích các dữ liệu. Đôi khi cũng cần phải có các phân tích phức tạp hơn, ví dụ như phân tích chi phí – lợi ích.

Phân tích dữ liệu định tính

Phân tích dữ liệu định tính khác và khó hơn rất nhiều so với phân tích dữ liệu định lượng, đặc biệt là đối với những người không quen giải quyết các ý kiến, quan điểm, nhận thức của các cơ quan tham gia và các câu trả lời không chuẩn tắc. Bằng việc phân tích nội dung của dữ liệu được thu thập, có thể rút ra kết luận từ mỗi câu hỏi thực hiện hoặc mỗi chỉ số. Quá trình phân tích liên quan đến việc xác định các loại câu trả lời tìm được trong dữ liệu thô.

Sau đây là năm bước được sử dụng trong phân tích dữ liệu định tính có được từ các cuộc phỏng vấn và điều tra:

- Đọc lại các câu hỏi phỏng vấn cho cả nhóm. Điều này cho phép mọi người nhớ các câu hỏi đánh giá và trọng tâm của đánh giá.
- Người ghi chép sẽ đọc to các câu trả lời cho từng câu hỏi. Nếu có nhiều hơn một tập ghi chép thì sẽ đọc từng tập một.
- Thảo luận về các câu trả lời và chia sẻ các ý kiến khác chưa được viết ra, để làm rõ điều mà người trả lời phỏng vấn đã nói.
- Phân nhóm các câu trả lời và tóm tắt các phát hiện mới. Đồng thời, phân nhóm các câu trả lời từ những thông tin thu thập được và tóm tắt một cách chính xác các phát hiện

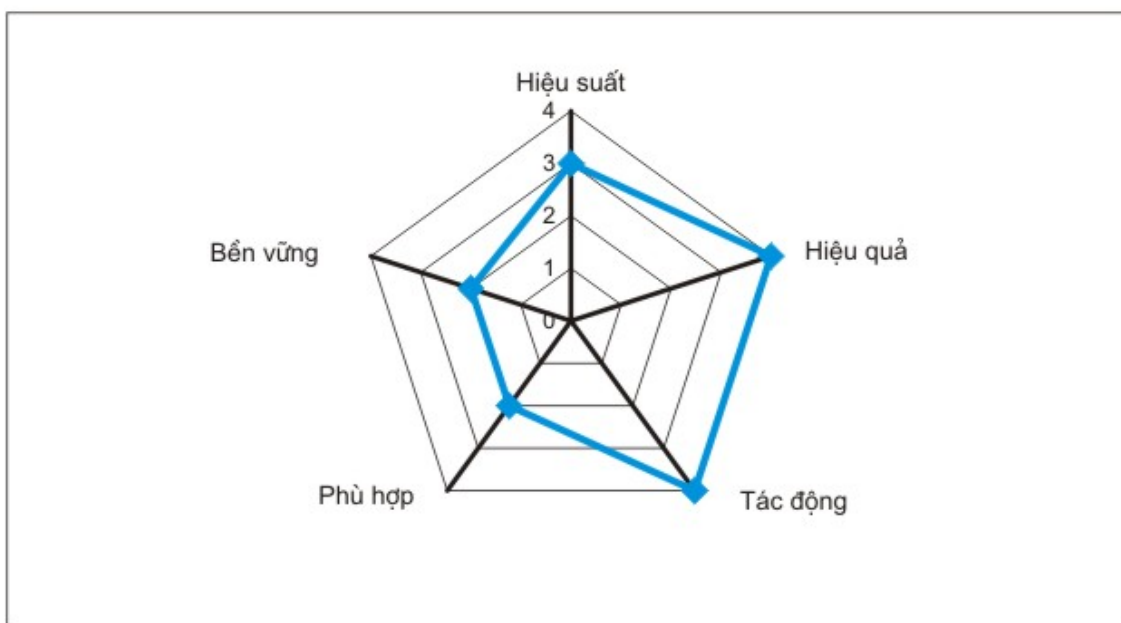
mới. Bản tóm tắt phải chỉ ra được các chiều hướng của thông tin dưới dạng: các thái độ hoặc các ý kiến được biểu đạt có được chia sẻ bởi đa số, thiểu số hay chỉ có một số ít người được phỏng vấn. Mặc dù không thể lượng hoá được tất cả các dạng trả lời khác nhau, nhưng có thể nêu ra xu hướng.

- Xác định những thông tin không rõ ràng hoặc còn thiếu. Xác định xem thông tin có bị thiếu hoặc không rõ ràng cần được tiếp tục điều tra bởi hoạt động đánh giá tiếp theo không.

6.7 Trình bày thông tin để báo cáo

Các thông tin thu được từ phân tích các kết quả có thể được trình bày dưới dạng biểu bảng, đồ thị và các văn bản được sắp xếp theo các câu hỏi và các chỉ số cụ thể, sẵn sàng cho việc diễn giải và báo cáo.

Bảng 23 : Ví dụ hệ thống thang điểm cho các tiêu chí đánh giá



Sau khi các kết quả của các chỉ số, các câu hỏi và các tiêu chí đánh giá đã được phân tích, chúng cần phải được giải thích bằng cách kết hợp và xem xét tất cả các thông tin kết quả.

Việc giải thích các kết quả đánh giá để đi đến các kết luận tập trung vào ba điểm:

- **Các yếu tố và các chủ đề chung** – xác định các vấn đề và các yếu tố tiềm ẩn chung dựa trên kết quả của tất cả các tiêu chí đánh giá. Xác định bất cứ yếu tố hoặc chủ đề nào có thể ảnh hưởng đến các tiêu chí đánh giá. Ví dụ, chính sách về quyền sở hữu đất thay đổi có thể làm tăng hiệu suất, hiệu quả và tác động của hoạt động đầu tư phát triển nông thôn. **Các tiêu chí đánh giá quan trọng** – chú ý bất kỳ tiêu chí nào nổi bật bởi những thông tin trong tóm tắt phân tích như đã trình bày trong

Bảng 23. Ví dụ, nếu như tiêu chí bền vững thấp hơn nhiều so với các tiêu chí khác, thì các bài học kinh nghiệm được rút ra phải liên quan đến việc lập kế hoạch và quá trình thực hiện. Các bài học kinh nghiệm này phải bao gồm việc xác định tại sao không khuyến khích được tính tự chủ trong quá trình thực hiện.

- **Tính phù hợp của thiết kế và các sắp xếp thực hiện** – chú ý đến các dạng đánh giá đưa ra được các bài học kinh nghiệm về thiết kế hoặc cách thức tổ chức thực hiện. Điều này bao gồm hiệu quả của bất cứ thay đổi nào trong các đầu vào, các đầu ra và các hoạt động được lập kế hoạch khi so sánh với khung logic ban đầu. Ví dụ, nếu như hiệu quả và tác động có mối liên hệ rõ ràng với sự thay đổi về thiết kế sau khi thực hiện đánh giá giữa kỳ thì điều này phải được chú ý. Theo cách này thì các thiết kế mới có thể sử dụng các bài học kinh nghiệm và lựa chọn phương pháp hiệu quả hơn từ khi bắt đầu.

Không phải mọi kết quả được rút ra từ việc đánh giá đều phải được nêu trong kết luận. Tập trung vào các thông tin quan trọng hoặc đáng phải đề cập đến. Các kết quả tổng thể và các dữ liệu thô có thể đưa vào phần phụ lục của báo cáo đánh giá.

6.8 Xác định bài học kinh nghiệm

Sử dụng các kết luận để rút ra bài học kinh nghiệm. Đó là những kinh nghiệm rõ ràng đã được áp dụng đối với các đầu tư ODA khác hoặc các hoạt động phát triển khác. Bài học kinh nghiệm bao gồm các thông tin có ích cho các đầu tư đang tiến hành hoặc các đầu tư trong tương lai. Chúng phải nhấn mạnh các tiêu chí đánh giá có trọng số đánh giá đặc biệt cao hoặc đặc biệt thấp, những cái được xem là có ích cho các đầu tư tương tự. Các bài học kinh nghiệm không cần tập trung vào vấn đề “ai” là người chịu trách nhiệm, mà tập trung vào vấn đề “cái gì” được rút ra. Việc xác định bài học kinh nghiệm không hoàn toàn giống việc đưa ra các khuyến nghị mà chúng có thể được sử dụng để cung cấp thông tin cho việc đưa ra các khuyến nghị.

Việc xác định các bài học kinh nghiệm sẽ có hiệu quả hơn khi tập trung vào một số ít các thực tế được xem là thực sự có ích cho các hoạt động đầu tư khác, hơn là quan tâm tới một danh sách rất nhiều các vấn đề quan sát.

Khuyến nghị

Khuyến nghị là các gợi ý được đưa ra cho những người sử dụng kết quả đánh giá – thường là các cơ quan của Chính phủ và các nhà tài trợ có liên quan đến việc thực hiện. Sử dụng các kết luận được rút ra từ việc giải thích các kết quả đánh giá, các gợi ý được đưa ra đối với các hành động có thể cải thiện được mức độ của các tiêu chí đánh giá hoặc giảm những phát hiện tiêu cực. Bên cạnh việc phải trung thực với các kết quả đánh giá và liên hệ rõ ràng với các dữ liệu ban đầu thu thập từ khảo sát thực tế, các khuyến nghị phải thực tế và phải được diễn đạt theo cách để có thể được thực hiện hiệu quả. Các khuyến nghị thường hướng tới ba vấn đề:

- **Các chủ đề liên quan đến phát triển** – các khuyến nghị có ý nghĩa đối với các vấn đề chung như: chính sách, môi trường, sự sắp xếp về mặt thể chế và cộng đồng. Những vấn đề này ảnh hưởng đến môi trường hoạt động bên ngoài quản lý ODA,

và đặc biệt đòi hỏi phải có sự phản hồi từ chính quyền tỉnh hoặc chính quyền trung ương hoặc các nhà tài trợ.

- **Các chủ đề liên quan đến quản lý ODA** – các khuyến nghị có ý nghĩa đối với việc lập kế hoạch, thực hiện và hoạt động bền vững cũng như duy trì các động đầu tư phát triển khác. Những vấn đề này ảnh hưởng đến môi trường hoạt động bên trong của quản lý ODA, và đặc biệt đòi hỏi phải có sự phản hồi từ các cơ quan cấp tỉnh và các Bộ chủ quản cũng như các BQLDA.
- **Các chủ đề liên quan đến công nghệ** – các khuyến nghị có ý nghĩa cho việc nghiên cứu các cách thực hiện tốt hơn. Các chủ đề này xác định các vấn đề không thể giải quyết bằng chính sách và quản lý, đòi hỏi phải có sự phản hồi từ hội đồng khoa học công nghệ thông qua các viện và các quan hệ hợp tác quốc tế về kỹ năng, kinh nghiệm chuyên môn trong việc giải quyết các vấn đề liên quan.

6.9 Trình bày kết quả đánh giá

Bên cạnh các báo cáo chính thức, kết quả đánh giá được trình bày bằng các cách khác nhau, bao gồm báo cáo và các ghi chép tóm tắt thực địa, các cuộc họp tại chỗ với các cơ quan tham gia trước khi rút ra kết luận đánh giá, và tóm tắt các phát hiện mới được trình bày như là các ấn bản độc lập. Ví dụ về nội dung của một báo cáo đánh giá cụ thể được trình bày trong Bảng 24.

Khi viết một báo cáo, sử dụng ngôn ngữ đơn giản sẽ giúp những người đọc dễ hiểu. Đưa những phát hiện mới và tóm tắt các sự kiện lên trước và để các câu hỏi đánh giá chi tiết, các chỉ số, dữ liệu thô và các tài liệu tham khảo khác vào phần phụ lục.

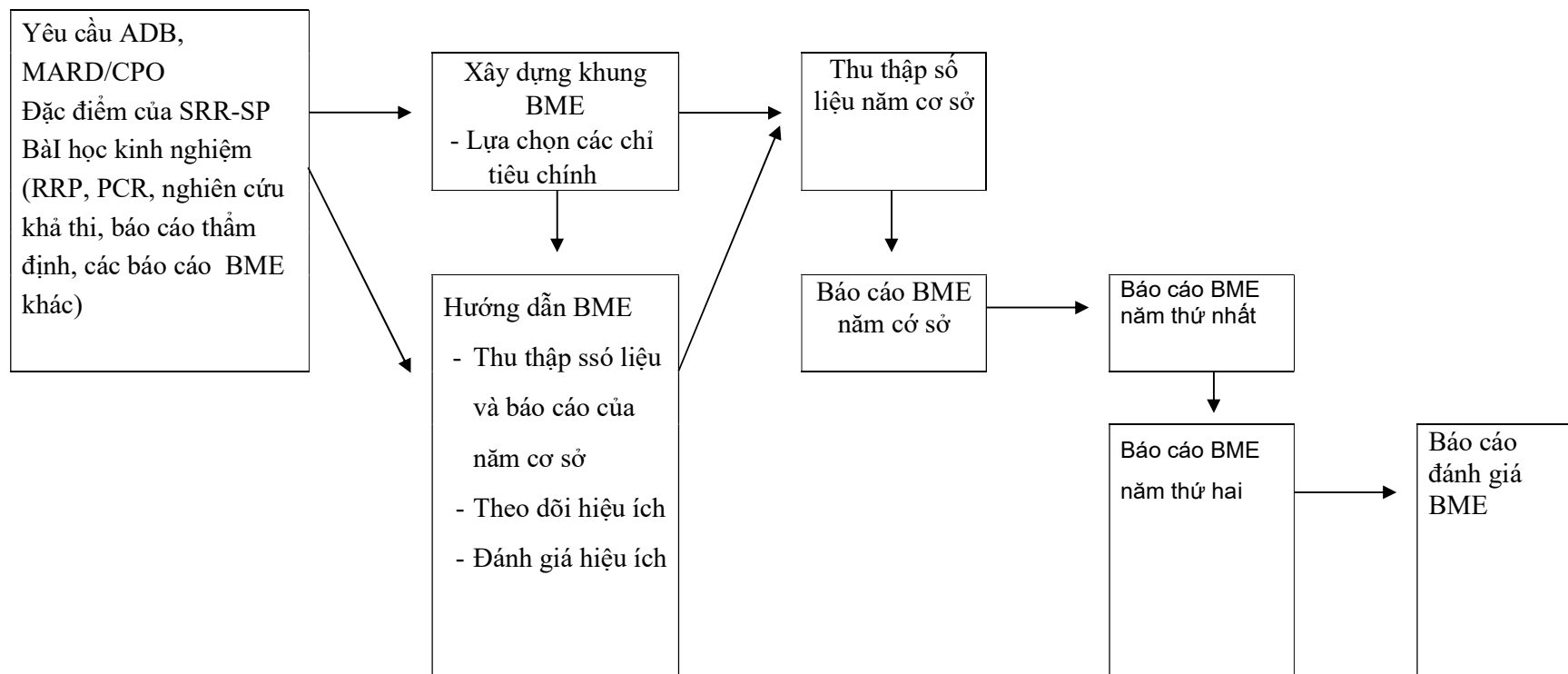
Báo cáo đánh giá phải được xây dựng dần dần từ giai đoạn bắt đầu trong Bước 1 khi đưa ra tóm lược. Những hành động này sẽ bảo đảm có được một báo cáo chất lượng và hiệu quả khi kết thúc đánh giá.

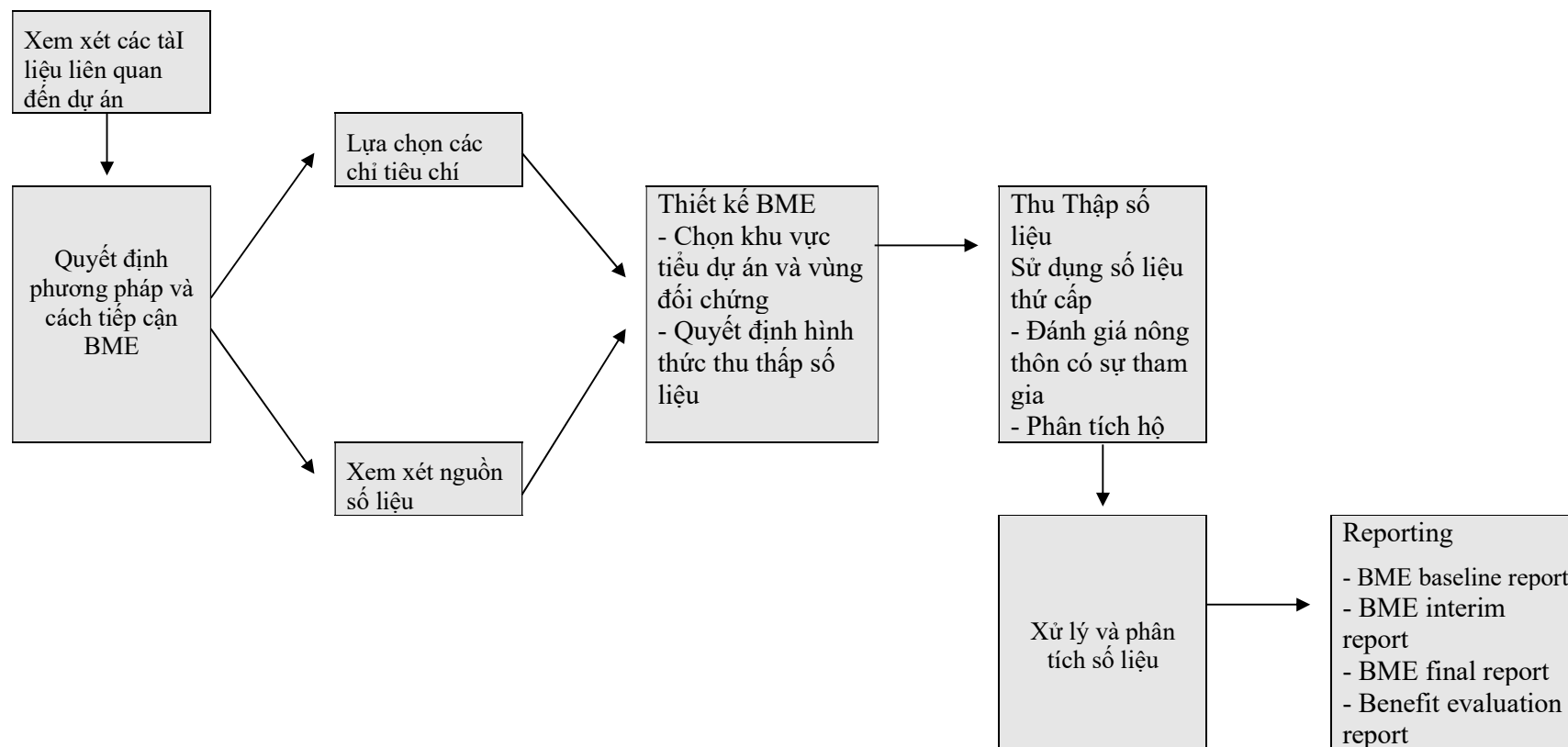
- Điều khoản tham chiếu (ToR) ràng buộc và hướng dẫn nhóm đánh giá để đảm bảo các vấn đề đã lựa chọn được nêu đầy đủ trong báo cáo.
- Tại thời điểm bắt đầu đánh giá, trưởng nhóm sẽ chuẩn bị một bảng phác thảo các nội dung dựa trên điều khoản tham chiếu và các thảo luận với những đối tác quan tâm và các cơ quan tham gia.
- Nhóm đánh giá phải được tham gia vào quá trình đánh giá ngay từ khi bắt đầu đánh giá. Lý tưởng nhất là họ sẽ đưa ra các ý kiến và đầu vào cho điều khoản tham chiếu và đề xuất cấu trúc báo cáo trước khi nó được hoàn thành.
- Duy trì tính linh hoạt để nhóm có thể giải quyết thêm các vấn đề mà nhóm cảm thấy đặc biệt quan trọng khi chúng xuất hiện.
- Sử dụng bảng phác thảo các nội dung như là khung để tổ chức thông tin trong quá trình thực hiện đánh giá. Bảng này sẽ giúp tập trung vào các chuyến đi thực tế cần thiết để thu thập các thông tin còn thiếu, xác minh thông tin và đưa ra các kết luận và khuyến nghị.

Bảng 24 : Nội dung của một báo cáo đánh giá điển hình

Tóm lược	Bài học kinh nghiệm Khuyến nghị Sử dụng các phát hiện để hỗ trợ quản lý hướng tới các kết quả phát triển
Nội dung chính của báo cáo	Khung đánh giá (mục đích, vai trò chiến lược, giai đoạn, cán bộ đánh giá) Tóm tắt đầu tư (giới thiệu diễn giải) Khung logic đánh giá và tóm lược Kết quả của từng tiêu chí đánh giá • Hiệu suất • Hiệu quả • Tác động • Phù hợp • Bền vững Kết luận • Tóm tắt các phát hiện, bài học kinh nghiệm và khuyến nghị • Sử dụng các kết quả cho quản lý • Biện minh cho kế hoạch đánh giá • Biện minh cho những thay đổi theo thời gian của thiết kế thực hiện
Phụ lục	Khung logic ban đầu được sử dụng cho việc thực hiện Khung logic đánh giá và bảng các kết quả đạt được Các câu hỏi đánh giá và kết quả phân tích từ việc đo lường các chỉ số Dữ liệu thô được thu thập từ các cuộc phỏng vấn, điều tra, quan sát trực tiếp và đo lường Xem xét các tài liệu tham khảo

Ví dụ 8 Quy trình thực hiện BME theo nhiệm vụ DA ADB





Sơ đồ 4: Quy trình thực hiện BME theo hoạt động

Ví dụ 8 Bảng câu hỏi hộ nông dân dự án thủy lợi ADB

Họ và tên chủ hộ: _____ Tuổi: _____

--	--	--

Xã, phường _____

Huyện, Tỉnh: _____

--	--

Dân tộc: _____

Ngày điều tra: _____

Họ và tên người thực hiện điều tra: _____

1. Phần điều tra cơ bản

1. Tổng số nhân khẩu của gia đình (người)?

--

1.2 Có bao nhiêu nam và nữ trong độ tuổi dưới đây:

Độ tuổi

0 – 14

15 – 54

Trên 55

Nam	Nữ

1.3 Chủ hộ là (1) Nam or (2) Nữ?

--

1.4 Trình độ văn hoá của chủ hộ?

- (1) Không được đi học
- (2) Tiểu học cơ sở
- (3) Chưa học hết phổ thông cơ sở
- (4) Đã tốt nghiệp phổ thông cơ sở
- (5) Phổ thông trung học

--

1.5 Gia đình có hoạt động sản xuất kinh doanh không?

- (1) Có
- (2) Không

--

Nếu không thì chuyển đến câu 1.6

☐

1.6 Nếu có, loại hình sản xuất kinh doanh là gì ?

- (1) Sản xuất các mặt hàng (mô tả cụ thể) bao gồm cả làm lò rèn
- (2) Làm nghề thủ công mỹ nghệ
- (3) Chế biến lương thực và thực phẩm
- (4) Quán ăn hoặc giải khát
- (5) Bán lẻ hàng hoá
- (6) Làm dịch vụ (mô tả cụ thể).....
- (7) Các loại hình khác (ghi rõ).....

1.7 Làm thêm ngoài sản xuất nông nghiệp

Các công việc làm thêm	Số ngày làm thêm trong 1 năm
Làm thuê (thợ xây, phu hồ)	
Hoạt động thương mại (buôn bán)	
Xe ôm, đạp xích lô, ...	
Làm cho hợp tác xã, địa phương	
Làm nghề thủ công	
Các công việc khác (ghi rõ):	

1.8 Tài sản của gia đình (Đánh dấu X vào ô tương ứng nếu có)

1. Có điện không ?

☐

2. Có Ti vi không ?

☐

3. Đại thu thanh/ cát sét ?

☐

4. Tủ lạnh?

☐

5. Xe gắn máy?

☐

6. Máy kéo?

☐

7. Gia cầm (gà, vịt, ngan,...)?

☐

8. Gia súc (trâu, bò, ngựa, lợn..)?

☐

9.

☐

10.

☐

1.9 ông bà sẽ ưu tiên để làm gì nếu có thêm tiền ?

M

F

☐
☐

Làm nhà

Cho việc cung cấp nước sạch

Dụng cụ điện

Đi lại

Đầu vào để sản xuất nông nghiệp

Khác (chỉ rõ)

1.10. Nguồn nước cho sinh hoạt của gia đình

	M	F
(1) Sử dụng giếng đào	☐	☐
(2) Sử dụng chung giếng công cộng		
(3) Nước ngầm		
(4) Nước máy		
(5) Nước sông / suối		
(6) Nước từ kênh tưới		
(7) Các nguồn nước khác (ghi cụ thể)		

2. điều tra về nông nghiệp

2.1 Tổng số diện tích trồng trọt (sao) ?	
2.2. Số thửa ruộng ?	
2.3 Bao nhiêu thửa ruộng không có nước tưới ?	
2.4 Bao nhiêu thửa ruộng tiêu tốt ?.....	

2.5 Loại cây trồng

Loại	Diện tích trồng	Năng suất (tấn/ha / kg/sao)		
		Vụ Xuân	Vụ Mùa	Vụ Đông

2.6 Nếu vụ đông (kể cả cây vùng đồi) không trồng hết toàn bộ diện tích thì lý do là gì ?

.....

.....

2.7 Các đầu vào cho sản xuất nông nghiệp.

Loại đầu vào	Lượng (Kg/sào)	Giá (VND/Kg)	Tổng cộng (VND/sào)
Giống			
Phân bón hữu cơ			
Phân chuồng			
Các loại thuốc trừ sâu			
Các loại thuốc diệt cỏ			
Loại khác:			

2.8 Mỗi năm bán bao nhiêu kg lúa.....

2.9 Công lao động cho sản xuất nông nghiệp

Hoạt động	Nam (công)	Nữ (công)	Hoạt động	Nam (công)	Nữ (công)
Với lúa			Vụ đông		
Làm đất			Làm đất		
Làm mạ			Trồng		
Cấy			Chăm sóc		
Phun thuốc			Tưới nước		
Chăm sóc			Phun thuốc		
Lấy nước			Thu hoạch		
Thu hoạch			Sau thu hoạch		
Sau thu hoạch					

2.10 Các khoản đóng góp cho tưới

Khoản mục	Số lượng thóc (Kg)	Thành tiền (Đồng)
Thủy lợi phí nộp cho CTTN		
Phí nộp cho thủy nông nội đồng và bảo vệ		
Các chi phí bơm nước		
Đóng góp công lao động cho công tác thủy lợi bao gồm cả hoạt động phòng lũ)		

2.11 Ông bà đã làm gì để duy trì hệ thống tưới và hạn tầng cơ sở khác trong năm qua ?

Sửa chữa bờ kênh, đươ ng giao thông

☐

Đóng góp tiền để sửa chữa

☐
☐

Sửa chữa các công trình hạ tầng cơ sở khác (nêu rõ)

☐

(1) có, (2) không.

2.12 Số lượng vật nuôi

Lợn	
Trâu /bò	
Gà/vịt	
Khác	

2.17 Số lượng cây ăn quả/ cây đồi vườn

☐

2.18 Thu nhập từ cây ăn quả / cây đồi vườn

3. điều tra về thu nhập và chi tiêu hàng năm

A. Thu nhập

3.1. Thu nhập từ bán các sản phẩm nông nghiệp (lúa, màu, hoa, quả, ...)

TT	Sản phẩm bán	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (Đồng/Kg)	Thành tiền (đồng)
1	Lúa				
2	Ngô				
3	Khoai tây				
4	Khoai lang				
5	Sắn				
6	Lạc				
7	Đậu tương				
8	Đậu xanh				

TT	Sản phẩm bán	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (Đồng/Kg)	Thành tiền (đồng)
9	Rau xanh				
10	ớt, tiêu, ...				
11					
12					
Tổng cộng					

3.2. Thu nhập từ chăn nuôi

TT	Loại con	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (Đồng/Kg)	Thành tiền (đồng)
1	Lợn				
2	Gia súc khác				
3	Gà				
4	Vịt				
5	Cá / tôm				
6					
Tổng cộng					

3.3. Thu nhập từ vườn cây

TT	Loại cây	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (Đồng/Kg)	Thành tiền (đồng)
1					
2					
3					
4					
Tổng cộng					

3.4. Các khoản thu nhập khác

TT	Tên	Thu nhập (Đồng)
1	Làm thuê ở ngoài địa phương	
2	Làm thuê tại địa phương	

TT	Tên	Thu nhập (Đồng)
3	Cây bừa thuê	
4	Kinh doanh	
5	Tiền lương	
6	Thu nhập khác	
Tổng cộng		

B. Chi tiêu

3.5. Chi tiêu hàng tháng

Tên khoản chi	Chi tiêu (đồng)
Gạo	
Các loại lương thực, thực phẩm khác	
Điện	
Nước uống	
Thuốc men	
Chi tiêu khác	

3.6 Chi tiêu hàng năm

Các khoản chi	Chi tiêu (đồng)
Tu sửa nhà cửa, làm thêm công trình phụ	
Công cụ sản xuất	
Các đồ dùng điện	
Vật tư cho nông nghiệp (giống, phân,)	
Thủy lợi phí	
Quần áo	
Giáo dục (học phí, sách vở,)	
Đi lại, giao thông vận tải	
Thuê lao động	

Các khoản chi	Chi tiêu (đồng)
Trả các khoản vay	
Các khoản chi tiêu khác	
Tổng chi	

3.7 Có được vay tín dụng hay không? (1) có (2) không
(nếu trả lời không, chuyển đến câu hỏi 4.4)

☐

3.8 Nếu có, những nguồn nào có thể vay được và lãi suất là bao nhiêu ?

Nguồn vay	Lãi suất theo năm %
1-	
2-	
3-	

3.9 Ông (bà) Đã bao giờ phải vay tiền cho công tác NN chưa? (1) có (2) không

☐

4. Khuyến nông và chương trình IPM

4.1 Gia đình có được tham dự khóa đào tạo nào về IPM không ? (1) có (2) không ?

☐

(nếu không, chuyển đến câu hỏi 5.3)

4.2 Gia đình tiếp nhận thông tin về IPM từ đâu ?

- (1) Các buổi họp dân
- (2) Hàng xóm
- (3) Đài, báo / TV
- (4) Truyền thanh của địa phương
- (5) Nguồn khác

4.3 Gia đình có được tập huấn về khuyến nông không ? (1) có (2) không
nếu không, chuyển đến câu hỏi 5

☐

4.4 Các dịch vụ khuyến nông nào gia đình tiếp nhận được?

5. Trả lời các câu hỏi về tiểu dự án

5.1 Ông (bà) xếp loại như thế nào cho những ưu tiên dưới đây đối với việc cải thiện sản xuất nông nghiệp.

	Nam	Nữ
1. Kiểm soát lũ		
2. Tiêu tốt hơn		
3. Thu nhập phụ nhiều hơn		
4. Cung cấp nước bằng đường ống		
5. Cải thiện điều kiện vệ sinh		
6. Nâng cấp đường giao thông		
7. Nhà cửa tốt hơn		
8. Giá dực		
9. Sức khỏe		
10. Tươi		

5.2 Điều gì cần cải tiến tưới mang lại hiệu quả ?

5.3 Điều gì cần cải tiến tiêu mang lại hiệu quả ?

5.4 Điều gì cần cải tiến trong phòng chống lũ lụt mang lại hiệu quả ?

5.5 Theo ông (bà) cần làm gì để cải thiện tình hình tưới tiêu hoặc phòng chống lũ
điền (1) Có (2) Không

- (1) Tăng thêm các khoản phí
- (2) Giành thêm thời gian để tu bổ kênh mương
- (3) Tham gia tự nguyện vào dự án không nhận thu lao
- (4) Là uỷ viên của Hội người dùng nước
- (5) ý kiến khác (cụ thể)

5.3 Nếu có thu nhập cao hơn thì ông (bà) sẽ sử dụng số tiền có thêm vào việc gì ?

- (1) Chi tiêu cho sinh hoạt hàng ngày
- (2) Tu sửa hoặc xây dựng nhà cửa
- (3) Mua sắm thêm đồ điện
- (4) Mua sắm đồ nội thất
- (5) Đầu tư vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp khác – chăn nuôi
- (6) Đầu tư vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp khác – trồng vụ
- (7) Đầu tư vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp khác – giống
- (8) Đầu tư vào kinh doanh
- (9) Giáo dục
- (10) Chi tiêu khác (*cụ thể*)
- (11) Chi tiêu khác (*cụ thể*)

6. Đền bù

6.1. Ông bà nghĩ thế nào về công tác đền bù và có thoả mãn ? (1) có (2) không

--

6.2 Ông bà nghĩ thế nào về công tác tái định cư và có thoả mãn ? (1) có (2) không

--

Nếu không, vì sao?

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
AFD	Cơ quan Phát triển Pháp
BME	Theo dõi và đánh giá hiệu ích DA
BQLDA	Ban Quản lý dự án
CQCQ	Cơ quan chủ quản
DA	Dự án
GAS	Đo lường mức độ đạt mục tiêu
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GoV	Chính phủ Việt Nam
HT	Hệ thống
HTX	Hợp tác xã
IFAD	Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
KT- XH	Kinh tế - Xã hội
KTCTTL	Khai thác công trình thủy lợi
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
MIS	Hệ thống thông tin quản lý
MoF	Bộ Tài chính
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
ODA	Hỗ trợ Phát triển Chính thức
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế
PD	Ma trận thiết kế DA
PMT	Công cụ theo dõi danh mục đầu tư
RDS	Hỗ trợ phát triển nông thôn
RBM	Quản lý dựa trên kết quả
QLDD&PCLB	Quản lý đề điều và phòng chống lụt bão
SMART	Đơn giản, đo lường được, có tính cấu thành, phù hợp và kịp thời
SWOT	Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội và Nguy cơ
TDA	Tiểu dự án
TD&DG	Theo dõi và đánh giá
TK	Thống kê
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
ToR	Điều khoản tham chiếu
UBND	Ủy ban Nhân dân
UN	Liên hiệp quốc
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc
WB	Ngân hàng Thế giới

NỘI DUNG

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	Error! Bookmark not defined.
A. GIỚI THIỆU CHUNG	1
1.1 Tên khóa đào tạo: Đào tạo về Theo dõi và Đánh giá Hiệu Quả Dự án.....	1
1.2 Mục đích của khóa đào tạo.....	1
1.3 Đối tượng đào tạo :.....	2
B. NỘI DUNG ĐÀO TẠO	2
2. KHÁI NIỆM VỀ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN	2
2.1 Sơ lược về nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), sự cần thiết phải theo dõi đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA trong các dự án	2
2.2 Theo dõi và đánh giá dự án là gì?.....	5
2.2.1 Thuật ngữ “Theo dõi”.....	5
2.2.2 Thuật ngữ “Đánh giá”.....	5
2.3 Mục đích của việc theo dõi và đánh giá	6
3. PHƯƠNG PHÁP THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN	23
3.1 Các phương pháp phân tích so sánh	23
Xác định vùng có tiêu dự án(TDA) và vùng đối chứng (VĐC).....	29
4 CÔNG CỤ VÀ CÁC BỘ CHỈ SỐ, CÁC TIÊU CHÍ ĐỂ ĐÁNH GIÁ	33
4.1. Lựa chọn chỉ tiêu BME	33
4.1.1 Các chỉ tiêu BME chính	33
4.1.2. Lý do cho việc lựa chọn các chỉ tiêu chính BME.....	33
4.2 Quan sát trực tiếp.....	Error! Bookmark not defined.
4.3 Nhóm trọng tâm/nhóm có cùng sự quan tâm	Error! Bookmark not defined.
4.5 Câu hỏi khảo sát và điều tra	Error! Bookmark not defined.
4.6 Phân tích SWOT.....	Error! Bookmark not defined.
4.7 Nghiên cứu tình huống	Error! Bookmark not defined.
5 PHƯƠNG PHÁP THU THẬP, PHÂN TÍCH SỐ LIỆU	39
5.1 Các phương pháp thu thập dữ liệu để theo dõi kết quả	39
5.2 Lập kế hoạch thu thập dữ liệu	40
5.3 Kiểm tra dữ liệu.....	41
5.4 Tổng hợp	41
5.5 Phân tích dữ liệu.....	42
6 CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH THEO DÕI ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ KINH NGHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN	43
6.1 Đánh giá như thế nào để hướng tới kết quả.....	43
6.2 Kế hoạch đánh giá	47
6.2 Lựa chọn các chỉ số kiểm chứng khách quan.....	Error! Bookmark not defined.
6.3 Lựa chọn các phương pháp thu thập dữ liệu	52
6.4 Hoàn thành thiết kế đánh giá.....	53
6.5 Tiến hành thực địa để đo lường các chỉ số và trả lời các câu hỏi.....	54
6.6 Phân tích để đưa ra các thông tin đánh giá.....	55
6.7 Trình bày thông tin để báo cáo	56
6.8 Xác định bài học kinh nghiệm.....	57
6.9 Trình bày kết quả đánh giá	58
6.10 Chuẩn bị các phát hiện để hỗ trợ quản lý hướng tới các kết quả phát triển	Error! Bookmark not defined.

